

Sổ tay hướng dẫn 2022

(Dành cho những du học sinh ngoài nước Nhật)

Trường Nhật ngữ ISI / Trung tâm giáo dục

9F 3-1-1 Sunshine 60, Higashi Ikebukuro, Toshima-ku, Tokyo, 170-6009

TEL : +81-3-5960-1335 FAX : +81-3-5960-1336 E-Mail : info@isi-global.com URL : www.isi-education.com

Facebook : www.facebook.com/ISIJapan/ Instagram : www.instagram.com/isijapan/ Twitter : <https://twitter.com/ISIJapan>

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Về ISI	
Triết lý và Chính sách giáo dục của trường Nhật ngữ	
Triết lý, Chính sách giáo dục, Chính sách nhập học và tuyển sinh, Chương trình giảng dạy, và Chính sách tốt nghiệp của ISI	1
Về đăng ký nhập học	
Đối tượng cần Visa Sinh viên (Khóa dài hạn)	2
Về Visa Sinh viên, Tiêu chuẩn tuyển sinh, Thời gian nhập học , Quy trình đăng ký	
Đối tượng Không cần Visa Sinh viên (Khóa ngắn hạn)	3
Các loại Visa, Tiêu chuẩn tuyển sinh , Hồ sơ cần thiết, Quy trình đăng ký	
Thông tin trường (Thời hạn đăng ký, Học ký, Chi phí)	4
Cơ sở Takadanobaba – Tokyo	
Cơ sở Ikebukuro – Tokyo	5
Cơ sở Harajuku – Tokyo	6
Cơ sở Kyoto	7
Cơ sở Nagano	8
Chỗ ở (loại phòng và chi phí) & Dịch vụ đón từ sân bay	
Cơ sở Takadanobaba, Ikebukuro và Harajuku - Tokyo	9
Cơ sở Kyoto	10
Cơ sở Nagano	11
Lưu ý quan trọng về Chỗ ở và Dịch vụ đón từ sân bay	12
Lịch học năm	
Cơ sở Takadanobaba - Tokyo	13
Cơ sở Ikebukuro - Tokyo	14
Cơ sở Harajuku - Tokyo	15
Cơ sở Kyoto	16
Cơ sở Nagano	17
Thông tin thanh toán	18
Chính sách Hủy và Hoàn trả	19-20
【File riêng】 Hồ sơ đăng ký (Học sinh dài hạn)	

Về ISI

Triết lý và Chính sách giáo dục của trường Nhật ngữ ISI

(1) Triết lý của trường Nhật ngữ ISI

- Sứ mệnh của chúng tôi là phát triển nguồn nhân lực toàn cầu có thể hoạt động trên quy mô quốc tế; cống hiến cho việc thực hiện giấc mơ của cá nhân và sự phát triển của xã hội quốc tế.

(2) Chính sách giáo dục của hệ thống trường Nhật ngữ ISI

Trường hướng đến sự phát triển toàn diện các kỹ năng sau:

- Khả năng sử dụng tiếng Nhật thực tế để giao tiếp lưu loát.
- Kỹ năng thấu hiểu đa văn hóa giúp cho sinh viên có khả năng tôn trọng cũng như tiếp nhận các nền văn hóa và giá trị khác nhau.
- Phát triển những nhân tài có thể tỏa sáng trong xã hội mang tính toàn cầu hiện nay.

(3) Chính sách Bằng cấp ~ Tốt nghiệp

Thông qua các khóa học, học sinh sẽ đủ điều kiện được trao Chứng nhận và đạt được những kỹ năng như sau.

- Năng lực giao tiếp tiếng Nhật cao đáp ứng nhu cầu xã hội
- Năng lực quốc tế đích thực với sự đa dạng và linh hoạt
- Những người có khả năng đóng vai trò tích cực trong cộng đồng quốc tế

(4) Chương trình Đào tạo

Nội dung khóa học

- Phương pháp học các kỹ năng ngôn ngữ (Nghe, Nói, Đọc, Viết) và kiến thức ngôn ngữ (Từ vựng, Ngữ pháp) một cách có hệ thống.
- Thúc đẩy sự đa dạng trong lớp học với các phương pháp giảng dạy tiên tiến nhất.
- Khóa luyện thi Kỳ thi Năng lực Nhật ngữ JLPT, Kỳ thi du học Nhật Bản EJU, v.v...
- Các bài kiểm tra thành tích nhằm đánh giá kết quả tiếp thu ngôn ngữ của sinh viên
- Phát triển năng lực cạnh tranh toàn cầu (hiểu biết về Nhật Bản và các nền văn hóa khác) và kỹ năng mềm (giải quyết vấn đề, suy nghĩ sáng tạo, v.v...)
- thông qua việc học tiếng Nhật.
- Hỗ trợ việc học lên và tìm việc.

Phương pháp đào tạo

- Giảng dạy ngôn ngữ chú trọng giao tiếp.
- Thúc đẩy sinh viên học tập chủ động, áp dụng Công nghệ thông tin và Truyền thông trong giảng dạy để nâng cao kết quả học tập.
- Đa dạng các hoạt động ngoại khóa ngoài lớp học.
- Giáo viên đứng lớp chất lượng cao.
- Môi trường quốc tế tạo điều kiện để sinh viên có thêm hiểu biết và kiến thức đa văn hóa.
- Kế hoạch Tư vấn Học tập và Việc làm hàng năm cùng nhiều sự kiện Hội chợ việc làm, hội thảo, v.v...

Thành tựu mong đợi

- Có thể sử dụng kỹ năng giao tiếp tiếng Nhật trôi chảy trong môi trường Đại học hoặc công ty tại Nhật Bản.
- Hiểu biết về văn hóa địa phương cũng như quốc tế.
- Phát triển bản thân: làm việc độc lập, kỹ năng thực tế, giải quyết vấn đề, v.v...

(5) Chính sách nhập học

ISI Group hân hạnh chào đón các sinh viên thấu hiểu triết lý, mục tiêu giáo dục, quy định của chúng tôi, cũng như những ai mong muốn học tập để đạt đến giấc mơ thành tài trong môi trường quốc tế. Bên cạnh đó, chúng tôi còn tìm kiếm những nhân tài có các tính cách sau:

- Những sinh viên không chỉ hứng thú với tiếng Nhật mà còn cả với văn hóa và xã hội Nhật Bản.
- Những sinh viên khát khao trở thành một nhân tố đầy sức cạnh tranh trong môi trường quốc tế.
- Những sinh viên có mục tiêu ý chí mong muốn học tiếng Nhật mạnh mẽ để đạt đến thành công.
- Những sinh viên mong muốn hiểu văn hóa, tập quán, các giá trị quan với tư cách một nhân tố xã hội, cư dân địa phương hay thành viên trong trường.

(6) Quản lý đào tạo

- Các khóa học được thiết kế để nâng cao khả năng giao tiếp thông qua phương pháp trực tiếp. (trong giờ học không có hỗ trợ tiếng nước ngoài ※)
- Lớp học có thể bao gồm học tập chủ động, hỗ trợ công nghệ thông tin, hoặc học tập ngoài trường để nâng cao kết quả cũng như sự độc lập, kỹ năng thực tế, giải quyết vấn đề... Sinh viên có thể sẽ phải tự trả một phần phí di chuyển.
- Trường đề cao việc xây dựng môi trường quốc tế - nơi sự hiểu biết văn hóa được đào sâu thêm. Vui lòng không sử dụng bản ngữ trong giờ học.
- Cung cấp hướng dẫn học tập và các hoạt động, sự kiện liên quan theo kế hoạch hàng năm.
- Theo chính sách của Cục quản lý xuất nhập cảnh của Bộ Tư pháp, với mục đích đo độ nhiệt huyết và khả năng tiếng Nhật học tại trường tiếng Nhật theo tiêu chuẩn CEFR, các kỳ thi năng lực Nhật ngữ như một điều kiện cần thiết để tốt nghiệp của Trường (Ví dụ như J.TEST , JLPT) sẽ được tiến hành.(Phí dự thi sẽ được yêu cầu riêng. Xin lưu ý)
- Giáo viên tiếng Nhật dạy tiếng Nhật là những người có tư cách dạy tiếng Nhật được chỉ định theo tiêu chuẩn yết thị của Cục quản lý xuất nhập cảnh của Bộ Tư pháp
- Như ở trang 6, trường Harajuku sử dụng máy tính, vì vậy hãy chuẩn bị trước. Ngoài ra, Trường Takadanobaba, Trường Ikebukuro, Trường Kyoto và Trường Nagano cũng khuyến bạn nên mang theo các thiết bị điện tử như PC, điện thoại thông minh hay máy tính bảng để sử dụng cho việc học.

Về Quy trình đăng ký

Đối với Ứng viên cần Visa Sinh viên (Khóa dài hạn)

Về Visa Sinh viên

- Thông thường, những người mong muốn theo học từ 6 tháng trở lên cần có Visa Sinh viên.
- Để có Visa Sinh viên, bạn phải nhận được Giấy chứng nhận Tư cách lưu trú (COE) cấp bởi Cục Quản lý Lưu trú, Xuất nhập cảnh Nhật Bản.
- Trường sẽ thay mặt bạn để nộp đơn xin COE tại Cục Quản lý Lưu trú, Xuất nhập cảnh Nhật Bản.
- Với Visa Sinh viên bạn được phép làm thêm, về cơ bản tối đa 28 giờ/tuần, sau khi xin được Giấy phép làm thêm. Xin lưu ý sẽ có một số hạn chế về loại hình công việc.

Tiêu chuẩn tuyển sinh - Kỳ hạn tuyển sinh

- Những người đã hoàn thành ít nhất 12 năm học Phổ thông hoặc tương đương trước ngày bắt đầu khóa học. (Trừ trường Harajuku)
- ※Tuy nhiên, nếu bạn đủ 18 tuổi trở lên và có bằng cấp 3 thì bạn sẽ được xét tuyển dù chưa đủ 12 năm.
- Những người dưới 55 tuổi kể từ ngày 1 tháng 4 năm 2022
- Có động lực học tập mạnh mẽ.
- Nhận được sự hỗ trợ tài chính hoặc có khả năng chi trả mọi chi phí trong suốt quá trình du học tại Nhật Bản.
- Những người hiểu các triết lý và chính sách giáo dục của Trường một cách đầy đủ (trang 1).
- Đối với Kỳ nhập học tháng 1: Về cơ bản có thể theo học từ trình độ N4 nên bắt buộc phải có Chứng chỉ N5 (trình độ Sơ cấp).
- ※ Tuy nhiên, nếu được Hiệu trưởng đồng ý, những trường hợp không đáp ứng đủ Tiêu chuẩn tuyển sinh vẫn có cơ hội ghi danh theo học.
- ※ Nếu bạn không đạt những yêu cầu bên trên, hãy liên lạc với Trung tâm giáo dục của chúng tôi.
- Chỉ ở trường Harajuku, những người đáp ứng các yêu cầu về tư cách lưu trú (1) / (2) dưới đây và Visa lao động (như Kỹ thuật / Nhân văn / Kinh doanh quốc tế", v.v.)
- (1) Những người đã tốt nghiệp đại học hoặc cao đẳng ở nước sở tại. Thời gian học ở trường Harajuku là 1 năm hoặc 2 năm
- (2) Những người muốn làm việc tại Nhật Bản hoặc những người muốn làm việc sau khi trở về nước.

Thời hạn đăng ký (Thời gian học) ※1	Kỳ tháng Tư (2 năm)	Kỳ tháng Bảy (1 năm 9 tháng)	Kỳ tháng Mười (1 năm 6 tháng)	Kỳ tháng Một (1 năm 3 tháng)
Hạn chót Ghi danh Dự kiến	Cuối tháng 10	Đầu tháng 2	Cuối tháng 4	Đầu tháng 8
Kỳ hạn Nộp hồ sơ lên Cục Xuất nhập cảnh	Cuối tháng 11	Giữa tháng 3	Đầu tháng 6	Giữa tháng 9
Nhận Tư cách lưu trú và Thanh toán học phí	Cuối tháng 2	Cuối tháng 5	Cuối tháng 8	Đầu tháng 11
Xin Visa tại Đại sứ quán/Lãnh sự quán	Đầu tháng 3	Đầu tháng 6	Đầu tháng 9	Đầu tháng 12

※1 Thời gian học ở trường Harajuku là 1 năm hoặc 2 năm. Trường sẽ dừng Tuyển sinh ngay khi đủ số lượng sinh viên. Xin lưu ý.

Quy trình Đăng ký

1	Ứng viên gửi đơn đăng ký nhập học và các giấy tờ cần thiết khác đến Trung tâm Giáo dục thuộc trường Nhật ngữ ISI. Sau khi gửi đơn nhập học Bạn sẽ được thông báo về việc thanh toán chi phí và thanh toán phí xin visa thông qua chuyển khoản ngân hàng hoặc Flywire. Nên cần thiết phải gửi đơn nhập học và thanh toán phí.
2	Trường sẽ thay mặt bạn để nộp đơn xin COE tại Cục Quản lý Lưu trú, Xuất nhập cảnh Nhật Bản.
3	Trường hợp chúng tôi đánh giá rằng bạn đủ điều kiện để nhập học, chúng tôi sẽ phát hành "Thông báo chấp nhận". Những người đã nhận được thông báo đầu sẽ có thể sử dụng trang web công thông tin hỗ trợ sinh viên của chúng tôi "Campusmate-J" * 2, và sẽ được thông báo thông qua trang web này, chẳng hạn như gửi nhiều thông tin và tài liệu.
4	Sau khi được cấp Tư cách lưu trú, Trường sẽ gửi Yêu cầu thanh toán học phí. Sẽ hướng dẫn qua 「Campusmate-J」. Mọi chi phí phải được thanh toán thông qua chuyển khoản ngân hàng hoặc Flywire trước hạn chót.
5	Sau khi xác nhận đã thanh toán, bạn sẽ được yêu cầu làm bài kiểm tra xếp lớp trên trang web, bài kiểm tra này sẽ được thông báo trên 「Campusmate-J」.
6	Sau khi xác nhận thanh toán học phí, bản gốc giấy chứng nhận tư cách cư trú, giấy nhập học, giấy phép làm thêm, v.v. sẽ được gửi qua đường bưu điện đồng thời sẽ được truyền qua 「Campusmate-J」 hướng dẫn cho đến khi nhập học và những điểm cần lưu ý khi nhập học.
7	Khi nhận được 6 giấy tờ trên, bạn hãy xin "visa" để nhập cảnh vào Nhật Bản tại đại sứ quán hoặc lãnh sự quán Nhật Bản ở nước ngoài.
8	Vui lòng đặt trước vé và gửi kèm theo hình ảnh dưới dạng file về điện tử ghi chuyến bay đến và thời gian đến từ 「Campusmate-J」.
9	Hãy đến trường vào ngày nhập học. ※ Nếu đăng ký các loại Nhà ở do trường quản lý, vui lòng nhập cảnh để vào ký túc xá đúng ngày nhận phòng được chỉ định.

※2 「Campusmate-J」 là một trang công thông tin do Trường Nhật ngữ ISI cung cấp để hỗ trợ đời sống sinh viên. Dù ở nước ngoài bạn có thể sử dụng sau khi nộp đơn xin cấp Giấy chứng nhận tư cách lưu trú. Mọi lúc, mọi nơi, bạn có thể kiểm tra điểm chuyên cần / điểm số, quản lý thời khóa biểu / thời khóa biểu / học lên / sự kiện việc làm,... từ máy tính hoặc điện thoại thông minh kết nối Internet, có thể nhận thông báo từ trường và nhận tin nhắn đến từng học sinh. Với một hệ thống hỗ trợ cuộc sống sinh viên về mặt thông tin, bạn có thể sử dụng hiệu quả thời gian quý báu của mình.

Về Đăng ký nhập học

Đối tượng không cần Visa sinh viên (Ngắn hạn)

Các loại visa

- Visa Ngắn hạn
 - Visa được cấp bởi Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Nhật Bản ở nước sở tại.
 - Những người có hộ chiếu của nước / khu vực được miễn thị thực được phép nhập cảnh vào Nhật Bản mà không cần thị thực.
 - Ngay cả khi có thỏa thuận miễn thị thực ở một số nước, sẽ có một số trường hợp cần xin trước Visa ngắn hạn tại Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Nhật Bản ở nước sở tại. (Vui lòng kiểm tra xem mình có thuộc nước, khu vực được miễn thị thực không tại trang web của Đại sứ quán Nhật Bản)
 - Công dân một số nước, khu vực có thể gia hạn Visa Ngắn hạn lên đến 6 tháng tại Nhật Bản.
 - Trong trường hợp ngoài những nước, khu vực thuộc đối tượng miễn thị thực, ứng viên cần có thư mời để xin Visa ngắn hạn
- Các loại Visa khác (Cư trú tại Nhật Bản)
 - Ứng viên có thể theo học tại trường với Visa được cấp cho các mục đích khác ngoài học tập.
 - Các loại visa trong nhóm này bao gồm: visa Du lịch kết hợp lao động, visa Lao động, visa vợ chồng và visa phụ thuộc.

• Vui lòng kiểm tra lịch học của trường để xác nhận ngày nhập học. Những bạn từ trình độ Sơ cấp 0 hãy nhập học vào ngày nhập học của trường

• Trường hợp có nguyện vọng nhập học giữa chừng, Ứng viên hãy làm bài kiểm tra trình độ trước, nếu lớp phù hợp với trình độ còn trống có thể nhập học vào ngày tiếp nhận nhập học giữa chừng cho học sinh kỳ ngắn hạn theo lịch học của từng trường. Sau khi xác nhận được tiếp nhận, có thể bắt đầu học lớp phù hợp với trình độ.

Tiêu chuẩn Tuyển sinh

- 16 tuổi trở lên cho đến 65 tuổi (xin liên hệ với Trường nếu bạn dưới 16 tuổi)
- *Những ứng viên dưới 18 tuổi, bắt buộc phải sống với người bảo hộ ở Nhật Bản hoặc đăng ký ở Home stay, ký túc xá của trường vì Trường không cung cấp hỗ trợ 24/7.
- Có động lực học tập mạnh mẽ. Có hỗ trợ tài chính trong suốt thời gian học.
- Có thể đến Nhật Bản bằng Visa Du lịch hoặc cư trú ở Nhật Bản.
- Ứng viên với Visa Du lịch Ngắn hạn không thể theo học *Lớp Tìm Việc*.
- Khóa học ngắn nhất là 2 tuần.
- Những người hiểu các triết lý và chính sách giáo dục của ISI một cách đầy đủ (trang 1).

Hồ sơ yêu cầu

- Đơn đăng ký nhập học (mẫu do Trường cung cấp/ Dành cho khóa ngắn hạn)
- Tình trạng sức khỏe (mẫu do Trường cung cấp)
- Bản sao Hộ chiếu
- Ảnh thẻ (có thể chụp bằng điện thoại hoặc máy)
- Đơn đăng ký ở Homestay (nếu có)
- Bản sao hai mặt Thẻ Cư trú (nếu đang cư trú tại Nhật)
- Các giấy tờ cần thiết để phát hành thư mời (nếu có)

※Bạn có thể nộp đơn trực tiếp từ mẫu đơn.
Điền vào biểu mẫu, tải xuống các tài liệu được yêu cầu, sau đó gửi đến nhân viên của Trường. Nộp đơn tại đây →



Quy trình Đăng ký

Visa Ngắn Hạn và các loại visa khác (không có Thư mời)

1	Gửi các giấy tờ được yêu cầu đến Trường bằng thư điện tử.
2	Trường sẽ gửi xác nhận và Yêu cầu thanh toán đến ứng viên thông qua thư điện tử.
3	Sau khi ứng viên thanh toán, Trường sẽ gửi Thư mời nhập học(PDF)
4	Nộp đơn xin Visa Ngắn hạn tại Đại sứ quán/ Lãnh sự quán Nhật Bản ở nước sở tại (chỉ những nước, khu vực bắt buộc).
5	Vui lòng thực hiện bài kiểm tra trình độ trực tuyến trước ngày hết hạn. (Các bạn nhập học giữa kì sẽ được kiểm tra sau khi đến Nhật).
6	Nếu lưu trú tại trường, vui lòng thông báo cho chúng tôi chuyến bay đến và thời gian đến của bạn sau khi đặt vé. (Vui lòng gửi vé điện tử của bạn ít nhất 2 tuần trước khi đến)
7	Đến trường vào ngày nhập học.

Visa Ngắn hạn có Thư mời

1	Gửi các giấy tờ được yêu cầu đến Trường bằng thư điện tử.
2	Trường sẽ gửi xác nhận và Yêu cầu thanh toán đến ứng viên thông qua thư điện tử. (Phí cấp Thư mời: 12,000 JPY.)
3	Sau khi ứng viên thanh toán, Trường sẽ gửi Thư mời nhập học.
4	Nộp đơn xin Visa Du lịch Ngắn hạn tại Đại sứ quán/ Lãnh sự quán Nhật Bản ở nước sở tại * (quy trình có thể cần vài tuần).
5	Vui lòng thực hiện bài kiểm tra trình độ trực tuyến trước ngày hết hạn. (Các bạn nhập học giữa kì sẽ được kiểm tra sau khi đến Nhật).
6	Vui lòng đặt vé và gửi cho chúng tôi chuyến bay đến và thời gian đến. (Vui lòng gửi vé điện tử ít nhất 2 tuần trước khi đến)
7	Đến trường vào ngày đầu tiên của học kỳ.

*Xin tham khảo Đại sứ quán/ Lãnh sự quán Nhật Bản về vấn đề Visa.

*Xin tham khảo với người phụ trách của Trường nếu không phải Nước được miễn thị thực.

Thông tin trường

Cơ sở Takadanobaba-Tokyo

*Giá sau đây bao gồm các khóa học trong thời gian từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 (Đơn vị : Yên)

Tiếng Nhật Học Lên

Tiếng Nhật Học Lên

- Sinh viên khóa dài hạn xin tham khảo Bảng học phí dưới đây (20 tiết/tuần và 20 sinh viên/lớp).
- Phí xin Visa sẽ phải thanh toán ngay khi nộp đơn. Xin lưu ý học phí có thể tăng trong năm học kế tiếp khi bạn đang theo học tại trường.
- Vì bạn sẽ thi J.TEST mỗi năm một lần, nên vui lòng thanh toán lệ phí thi (5,200 yên * 1) khi bạn làm bài kiểm tra sau khi nhập học. (Đạt được bằng cấp tương đương CEFR A2 (J.TEST E) trở lên khi đang đi học là điều kiện để tốt nghiệp của Trường, và cũng là bằng cấp yêu cầu của Cục quản lý xuất nhập cảnh Nhật Bản cho đến khi tốt nghiệp trường tiếng Nhật.) * 1 Số tiền tính tại thời điểm tháng 7 năm 2021

Thời lượng	6 tháng (2 học kỳ)	1 năm (4 học kỳ)
Phí xét hồ sơ	22,000	22,000
Phí nhập học	55,000	55,000
Học phí	347,500	695,000
Giáo trình	16,500	33,000
Cơ sở vật chất	22,000	44,000
Tổng cộng	463,000	849,000

Thời lượng học	Thời gian nhập học	Hạn chót đăng ký
2 năm	Tháng 4	31/10/2020
1 năm 9 tháng	Tháng 7	08/02/2021
1 năm 6 tháng	Tháng 10	30/04/2021
1 năm 3 tháng	Tháng 1	09/08/2021

※ Trường sẽ dừng tuyển sinh ngay khi đủ số lượng sinh viên.

Khóa học ngắn hạn - Chi phí

Tiếng Nhật tổng hợp ngắn hạn

- Chỉ phí nhập học cho khóa ngắn hạn, dành cho những ứng viên có Visa đang cư trú tại Nhật Bản và những người có Visa chưa đầy 3 tháng (hoặc 6 tháng đối với công dân một số nước).
- Ứng viên có thể nhập học vào giữa kỳ nếu có lớp còn chỗ trống phù hợp với kết quả của bài kiểm tra trình độ.
- Hạn chót đăng ký, theo nguyên tắc là 30 ngày trước ngày nhập học. Đối với trường hợp nhập học vào giữa kỳ, hạn chót đăng ký là một tháng trước khi khóa học đó bắt đầu.
- Chấp nhận ứng viên đóng học phí theo từng học kỳ, theo nguyên tắc học phí phải được đóng một lần cho một học kỳ (10 tuần).
- Phí Tuyển sinh chỉ bao gồm trong học kỳ đầu tiên. Các học kỳ sau ứng viên chỉ thanh toán học phí của từng kỳ học. Chi phí cho tài liệu giảng dạy sẽ được tính theo số lượng học kỳ mà bạn theo học.

Thời lượng	1 học kỳ (10 tuần)	2 học kỳ (20 tuần)
Phí nhập học	15,000	15,000
Học phí	173,750	347,500
Giáo trình	8,250	16,500
Cơ sở vật chất	11,000	22,000
Tổng cộng	208,000	401,000

2 tuần	3 tuần	4 tuần	5 tuần	6 tuần	7 tuần	8 tuần	9 tuần
15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000
34,750	52,125	69,500	86,875	104,250	121,625	139,000	156,375
8,250	8,250	8,250	8,250	8,250	8,250	8,250	8,250
2,200	3,300	4,400	5,500	6,600	7,700	8,800	9,900
60,200	78,675	97,150	115,625	134,100	152,575	171,050	189,525

Khóa học cá nhân - Chi phí

Số tiết học	1 người	2-5 người	6-10 người	11-15 người
1-20	6,800	6,400	4,200	3,100
21-50	6,400	5,700	3,500	2,400
51~	5,700	5,300	3,100	2,000

- *45 phút/tiết (Đơn vị : Yên)
- *Không bao gồm chi phí cho giáo trình học, phí này sẽ được thu riêng.
- *Vui lòng liên hệ với chúng tôi nếu có yêu cầu cụ thể về ngày giờ.

Thông tin trường

Tên trường : Trường Nhật ngữ ISI

Địa chỉ: 2-14-19 Takadanobaba, Shinjuku-ku, Tokyo 169-0075

TEL: +81-3-5155-6886

FAX: +81-3-5155-6887

(Tòa nhà mới) Địa chỉ: 4-23-32 Takadanobaba, Shinjuku-ku, Tokyo 169-0075

TEL : + 81- 3-3364-3775 FAX: + 81- 3-3364-3778

Liên hệ Tuyển sinh: +81-3-5960-1335

info@isi-global.com



Đi bộ 4 phút từ cửa Waseda ga Takadanobaba
Sân bay gần nhất: Haneda (HND) hoặc Narita (NRT)

Giờ học *Lịch học sẽ được quyết định sau khi có kết quả Thi xếp lớp.

Lớp sáng	8:50~10:20 / 10:30~12:00
Lớp chiều	13:00~14:30 / 14:40~16:10

Khóa học thiết lập
(Thông cáo của Bộ Tư pháp, Tổ chức giáo dục tiếng Nhật)

Khóa 2 năm học lên Đại học	Khóa 1 năm 6 tháng học lên Đại học
Khóa 1 năm 9 tháng học lên Đại học	Khóa 1 năm 3 tháng học lên Đại học

Thông tin trường

Cơ sở Ikebukuro-Tokyo

*Giá sau đây bao gồm các khóa học trong thời gian từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 (Đơn vị : Yên)

Khóa học Dài hạn - Chi phí & Kỳ nhập học

Tiếng Nhật Học Lên

- Khóa học dài hạn xin tham khảo Bảng học phí dưới đây (20 tiết/tuần và 20 sinh viên/lớp).
- Phí xin Visa sẽ phải thanh toán ngay khi nộp đơn. Xin lưu ý học phí có thể tăng trong năm học kế tiếp khi bạn đang theo học tại trường.
- Vì bạn sẽ thi J.TEST mỗi năm một lần, nên vui lòng thanh toán lệ phí thi (5,200 yên * 1) khi bạn làm bài kiểm tra sau khi nhập học. (Đạt được bằng cấp tương đương CEFR A2 (J.TEST E) trở lên khi đang đi học là điều kiện để tốt nghiệp của Trường, và cũng là bằng cấp yêu cầu của Cục quản lý xuất nhập cảnh Nhật Bản cho đến khi tốt nghiệp trường tiếng Nhật.) * 1 Số tiền tính tại thời điểm tháng 7 năm 2021

Thời lượng	6 tháng (2 học kỳ)	1 năm (4 học kỳ)
Phí xét hồ sơ	22,000	22,000
Phí nhập học	55,000	55,000
Học phí	347,500	695,000
Giáo trình	16,500	33,000
Cơ sở vật chất	22,000	44,000
Tổng cộng	463,000	849,000

Thời lượng học	Thời gian nhập học	Hạn chót đăng ký
2 năm	Tháng 4	31/10/2021
1 năm 9 tháng	Tháng 7	10/02/2022
1 năm 6 tháng	Tháng 10	10/05/2022
1 năm 3 tháng	Tháng 1	10/08/2022

※ Trường sẽ dừng tuyển sinh ngay khi đủ số lượng sinh viên.

Khóa học ngắn hạn - Chi phí

Tiếng Nhật tổng hợp ngắn hạn

- Đây là Bảng học phí khóa học ngắn hạn dành cho những ứng viên có visa đang sống tại Nhật, đăng ký 3 tháng (hoặc 6 tháng đối với công dân một số nước).
- Ứng viên có thể nhập học vào giữa kì nếu có lớp còn chỗ trống phù hợp với kết quả của bài kiểm tra trình độ.
- Theo quy định, hạn chót đăng kí là 30 ngày trước ngày nhập học. Đối với trường hợp nhập học vào giữa kì, hạn chót đăng kí là một tháng trước khi khóa học đó bắt đầu.
- Theo quy định, nhận ứng viên theo từng học kì. Tuy nhiên, học phí phải được đóng một lần cho một học kì (10 tuần).
- Phí Tuyển sinh chỉ bao gồm trong học kì đầu tiên. Các học kì sau ứng viên chỉ thanh toán học phí của từng kì học. Chi phí cho tài liệu giảng dạy sẽ được tính theo số lượng học kì mà bạn theo học.

Thời lượng	1 học kỳ (10 tuần)	2 học kỳ (20 tuần)
Phí nhập học	15,000	15,000
Học phí	173,750	347,500
Giáo trình	8,250	16,500
Cơ sở vật chất	11,000	22,000
Tổng cộng	208,000	401,000

2 tuần	3 tuần	4 tuần	5 tuần	6 tuần	7 tuần	8 tuần	9 tuần
15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000
34,750	52,125	69,500	86,875	104,250	121,625	139,000	156,375
8,250	8,250	8,250	8,250	8,250	8,250	8,250	8,250
2,200	3,300	4,400	5,500	6,600	7,700	8,800	9,900
60,200	78,675	97,150	115,625	134,100	152,575	171,050	189,525

Khóa học cá nhân - Chi phí

Số tiết học	1 người	2-5 người	6-10 người	11-15 người
1-20	6,800	6,400	4,200	3,100
21-50	6,400	5,700	3,500	2,400
51~	5,700	5,300	3,100	2,000

• 45 phút/tiết học. (Đơn vị : Yên)

• Không bao gồm chi phí cho giáo trình học, phí này sẽ được thu riêng.

• Vui lòng liên hệ với chúng tôi nếu có yêu cầu cụ thể về ngày giờ.

Thông tin trường

Tên trường : Trường Cao đẳng Ngoại ngữ ISI

Địa chỉ: 1-13-13 Minami Ikebukuro Toshima-ku Tokyo 171-0022

TEL : +81-3-5957-2410

FAX : +81-3-5957-2420

Liên hệ Tuyển sinh : +81-3-5960-1335

info@isi-global.com

Đi bộ 6 phút từ cửa Higashi (cửa Đông) ga Ikebukuro
Sân bay gần nhất: Haneda (HND) hoặc Narita (NRT)



Giờ học

*Lịch học sẽ được quyết định sau khi có kết quả Thi xếp lớp.

Lớp sáng	8:50~10:20 / 10:30~12:00
Lớp chiều	13:00~14:30 / 14:40~16:10

Khóa học thiết lập (Thông cáo của Bộ Tư pháp, Tổ chức giáo dục tiếng Nhật)

Khóa 2 năm học lên Đại học	Khóa 1 năm 6 tháng học lên Đại học
Khóa 1 năm 9 tháng học lên Đại học	Khóa 1 năm 3 tháng học lên Đại học

Thông tin trường Cơ sở Harajuku-Tokyo

※Giá sau đây bao gồm các khóa học trong thời gian từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 (Đơn vị : Yên)

Khóa dài hạn - Chi phí & Kỳ nhập học

Tiếng Nhật Hướng Nghiệp

- Khóa học dài hạn xin tham khảo Bảng học phí dưới đây (20 tiết/tuần và 20 sinh viên/lớp)
- Phí xin Visa sẽ phải thanh toán ngay khi nộp đơn. Xin lưu ý học phí có thể tăng trong năm học kế tiếp khi bạn đang theo học tại trường.
- Tại trường Harajuku, cần thiết phải dự thi JLPT quan trọng cho xin việc, nên vui lòng thanh toán lệ phí thi (6,500 yên * 1) khi bạn làm bài kiểm tra sau khi nhập học. (Đạt được bằng cấp tương đương CEFR A2 (JLPT N4) trở lên khi đang đi học là điều kiện để tốt nghiệp của Trường, và cũng là bằng cấp yêu cầu của Cục quản lý xuất nhập cảnh Nhật Bản cho đến khi tốt nghiệp trường tiếng Nhật.)

Thời lượng	6 tháng (2 học kỳ)	1 năm (4 học kỳ)
Phí xét hồ sơ	22,000	22,000
Phí nhập học	55,000	55,000
Học phí	375,000	750,000
Giáo trình	22,000	44,000
Cơ sở vật chất	28,000	56,000
Tổng cộng	502,000	927,000

Thời lượng học	Thời gian nhập học	Hạn chót đăng ký
1 năm • 2 năm	Tháng 4	31/10/2021
1 năm • 2 năm	Tháng 7	10/02/2022
1 năm • 2 năm	Tháng 10	10/05/2022
2 năm	Tháng 1	10/08/2022

※1 Số tiền tính tại thời điểm tháng 7 năm 2021

※2 Trường sẽ dừng tuyển sinh ngay khi đủ số lượng sinh viên

Khóa học ngắn hạn - Chi phí

Tiếng Nhật Hướng Nghiệp ngắn hạn

- Có thể nhập học giữa chừng tùy theo kết quả bài kiểm tra trình độ và tình trạng lớp học còn trống.
- Nguyên tắc, Ngày hết hạn đăng ký là trước 30 ngày của ngày nhập học (Người nhập học giữa chừng là ngày bắt đầu nhận bài giảng của khóa học)
- Nhận ứng viên theo từng học kỳ, học phí về nguyên tắc hãy đóng một lần cho một học kỳ (10 tuần).
- Tiền nhập học chỉ phải trả lần đầu, còn những phần khác thì trả theo kỳ học. Tuy nhiên sách giáo khoa sẽ phải trả hàng kỳ.
- Những bạn đăng ký học tiếng Nhật hướng nghiệp ngắn hạn sẽ học cùng lớp với sinh viên dài hạn, nhưng sẽ không nhận được thực tập hoặc hỗ trợ nghề nghiệp từ các cố vấn nghề nghiệp. Nếu bạn muốn được hỗ trợ nghề nghiệp, vui lòng đăng ký một khóa học dài hạn.

Thời lượng	1 học kỳ (10 tuần)	2 học kỳ (20 tuần)
Phí nhập học	15,000	15,000
Học phí	187,500	375,000
Giáo trình	11,000	22,000
Cơ sở vật chất	14,000	28,000
Tổng cộng	227,500	440,000

Tiếng Nhật Hướng Nghiệp

Chương trình này lý tưởng cho những ai muốn kiếm việc làm hoặc bắt đầu kinh doanh tại Nhật Bản, và những ai muốn cải thiện nghề nghiệp đồng thời nâng cao tiếng Nhật và kỹ năng kinh doanh của mình. Bạn có thể học "Tiếng Nhật dành cho kinh doanh" một cách thực tế từ trình độ Shokyu ứng với theo giai đoạn học tập. Học tiếng Nhật giao tiếp cần thiết cho các tình huống kinh doanh và học các phép xã giao trong và ngoài công ty, cách diễn đạt bằng kính ngữ phù hợp, ngôn ngữ viết và nói. Trong lớp tiếng Nhật thương mại, bạn sẽ học viết các tài liệu kinh doanh, vì vậy hãy chuẩn bị cho mình một chiếc máy tính xách tay.

Khóa học cá nhân – Chi phí

Số tiết học	1 người	2-5 người	6-10 người	11-15 người
1~20	6,800	6,400	4,200	3,100
21~50	6,400	5,700	3,500	2,400
51~	5,700	5,300	3,100	2,000

• 45 phút/tiết học (Đơn vị : Yên)

• Không bao gồm chi phí cho giáo trình học, phí này sẽ được thu riêng.

• Vui lòng liên hệ với Trường nếu có yêu cầu cụ thể về ngày giờ, địa điểm.

Thông tin trường

Tên trường : Học viện ngoại ngữ hướng nghiệp ISI - Trường Harajuku

(Đăng ký đổi tên trường từ Trường Ngoại ngữ Kichijoji)

Địa chỉ : 6-25-14 Jingu-mae Shibuya-ku Tokyo 150-0001

Tòa nhà Jingu-mae Media Square 6F

TEL : +81-(0)3-6451-1386 (Từ tháng 3 năm 2021)

FAX : +81-(0)3-6451-1387 (Từ tháng 3 năm 2021)



Liên hệ Tuyển sinh : +81-(0)3-5960-1335

info@isi-global.com

5 phút đi bộ từ lối ra số 7 của ga tàu điện ngầm Meiji Jingumae

9 phút đi bộ từ ga JR Harajuku lối ra Omotesando /

11 phút đi bộ từ ga Shibuya các tuyến

Sân bay gần nhất: Haneda (HND) hoặc Narita (NRT)

Giờ học

※ Lịch học sẽ được quyết định sau khi có kết quả Thi xếp lớp.

Lớp sáng	8:50~10:20 / 10:30~12:00
Lớp chiều	13:00~14:30 / 14:40~16:10

Khóa học thiết lập (Thông cáo của Bộ Tư pháp, Tổ chức giáo dục tiếng Nhật) (Đang xin)

Khóa Tiếng Nhật hướng nghiệp (2 năm)

Khóa Tiếng Nhật hướng nghiệp (1 năm)

Thông tin trường Cơ sở Kyoto

*Giá sau đây bao gồm các khóa học trong thời gian từ 01/04/2022 đến 31/03/2023 (Đơn vị : Yên)

Khóa dài hạn - Chi phí & Kỳ nhập học

Tiếng Nhật Tổng Hợp

- Ứng viên khóa dài hạn xin tham khảo Bảng học phí dưới đây. (20 tiết/tuần và 20 sinh viên/lớp).
- Phí xét hồ sơ sẽ phải thanh toán ngay khi nộp đơn. Xin lưu ý học phí có thể tăng trong năm học kế tiếp khi bạn đang theo học tại trường.
- Vì bạn sẽ thi J.TEST mỗi năm một lần, nên vui lòng thanh toán lệ phí thi (5,200 yên * 1) khi bạn làm bài kiểm tra sau khi nhập học. (Đạt được bằng cấp tương đương CEFR A2 (J.TEST E) trở lên khi đang đi học là điều kiện để tốt nghiệp của Trường, và cũng là bằng cấp yêu cầu của Cục quản lý xuất nhập cảnh Nhật Bản cho đến khi tốt nghiệp trường tiếng Nhật.) * 1 Số tiền tính tại thời điểm tháng 7 năm 2021.

Thời lượng	6 tháng (2 học kỳ)	1 năm (4 học kỳ)
Phí xét hồ sơ	22,000	22,000
Phí nhập học	55,000	55,000
Học phí	340,000	680,000
Giáo trình	16,500	33,000
Cơ sở vật chất	16,500	33,000
Tổng cộng	450,000	823,000

Thời lượng học	Thời gian nhập học	Hạn chót đăng ký
2 năm	Tháng 4	31/10/2021
1 năm 9 tháng	Tháng 7	10/2/2022
1 năm 6 tháng	Tháng 10	10/5/2022
1 năm 3 tháng	Tháng 1	10/8/2022

※ Trường sẽ dừng tuyển sinh ngay khi đủ số lượng sinh viên.

Khóa Ngắn hạn – Chi phí

Tiếng Nhật Tổng Hợp Ngắn Hạn

- Đây là Bảng học phí khóa học ngắn hạn dành cho những ứng viên có visa đang sống tại Nhật, đăng ký 3 tháng (hoặc 6 tháng đối với công dân một số nước).
- Ứng viên có thể nhập học vào giữa kì nếu có lớp còn chỗ trống phù hợp với kết quả của bài kiểm tra trình độ.
- Theo quy định, hạn chót đăng kí là 30 ngày trước ngày nhập học. Đối với trường hợp nhập học vào giữa kì, hạn chót đăng kí là một tháng trước khi khóa học đó bắt đầu.
- Theo quy định, nhận ứng viên theo từng học kì. Tuy nhiên, học phí phải được đóng một lần cho một học kì (10 tuần).
- Phí Tuyển sinh chỉ bao gồm trong học kì đầu tiên. Các học kì sau ứng viên chỉ thanh toán học phí của từng kì học. Chi phí cho tài liệu giảng dạy sẽ được tính theo số lượng học kì mà bạn theo học.

Thời lượng	1 học kỳ (10 tuần)	2 học kỳ (20 tuần)
Phí nhập học	15,000	15,000
Học phí	170,000	340,000
Giáo trình	8,250	16,500
Cơ sở vật chất	8,250	16,500
Tổng cộng	201,500	388,000

2 tuần	3 tuần	4 tuần	5 tuần	6 tuần	7 tuần	8 tuần	9 tuần
15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000
34,000	51,000	68,000	85,000	102,000	119,000	136,000	153,000
8,250	8,250	8,250	8,250	8,250	8,250	8,250	8,250
1,650	2,475	3,300	4,125	4,950	5,775	6,600	7,425
58,900	76,725	94,550	112,375	130,200	148,025	165,850	183,675

Khóa học cá nhân – Chi phí

Số tiết học	1 người	2-5 người	6-10 người	11-15 người
1-20	6,800	6,400	4,200	3,100
21-50	6,400	5,700	3,500	2,400
51~	5,700	5,300	3,100	2,000

- 45 phút/tiết học (Đơn vị : Yên)
- Không bao gồm chi phí cho giáo trình học, phí này sẽ được thu riêng.
- Vui lòng liên hệ với chúng tôi nếu có yêu cầu cụ thể về ngày giờ.

Thông tin trường

Tên trường : Trường Nhật ngữ ISI cơ sở Kyoto

Địa chỉ: 6-6 Nishinokyo-Ryomachi Nakagyo-ku Kyoto 604-8497

TEL : +81-75-803-6120

FAX : +81-75-803-6130

Liên hệ Tuyển sinh : +81-3-5960-1335

info@isi-global.com



Đi bộ 7 phút từ ga Enmachi (tuyến JR Sagano Sanin)

Sân bay gần nhất: Kansai (KIX)

Giờ học *Lịch học sẽ được quyết định sau khi có kết quả Thi xếp lớp.

Lớp sáng	8:50~10:20 / 10:30~12:00
Lớp chiều	13:00~14:30 / 14:40~16:10
Khóa học thiết lập (Thông cáo của Bộ Tư pháp, Tổ chức giáo dục tiếng Nhật)	
Khóa 2 năm học lên Đại Học	Khóa 1 năm 6 tháng học lên Đại Học
Khóa 1 năm 9 tháng học lên Đại Học	Khóa 1 năm 3 tháng học lên Đại Học

Thông tin trường Cơ sở Nagano

※ Dưới đây là phí học áp dụng cho thời gian lưu trú từ 1/4/2021 đến 31/3/2022

Khóa học Dài hạn - Chi phí & Kỳ nhập học

Tiếng Nhật Tổng Hợp

- Ứng viên khóa dài hạn xin tham khảo Bảng học phí dưới đây (20 tiết/tuần và 20 sinh viên/lớp).
- Phí xét hồ sơ sẽ phải thanh toán ngay khi nộp đơn. Xin lưu ý học phí có thể tăng trong năm học kế tiếp khi bạn đang theo học tại trường.

Thời lượng	6 tháng (2 học kỳ)	1 năm (4 học kỳ)
Phí xét hồ sơ	22,000	22,000
Phí nhập học	55,000	55,000
Học phí	310,000	620,000
Giáo trình	16,500	33,000
Cơ sở vật chất	16,500	33,000
Tổng cộng	420,000	763,000

Thời lượng học	Thời gian nhập học	Hạn chót đăng ký
2 năm	Tháng 4	10/11/2021
1 năm 6 tháng	Tháng 10	20/05/2022

- Trường Sẽ dừng tuyển sinh ngay khi đủ số lượng sinh viên.
- Vì bạn sẽ thi J.TEST mỗi năm một lần, nên vui lòng thanh toán lệ phí thi (5,200 yên * 1) khi bạn làm bài kiểm tra sau khi nhập học. (Đạt được bằng cấp tương đương CEFR A2 (J.TEST E) trở lên khi đang đi học là điều kiện để tốt nghiệp của Trường, và cũng là bằng cấp yêu cầu của Cục quản lý xuất nhập cảnh Nhật Bản cho đến khi tốt nghiệp trường tiếng Nhật.) * 1 Số tiền tính tại thời điểm tháng 7 năm 2021.

Khóa học ngắn hạn - Chi phí

Tiếng Nhật Tổng Hợp Ngắn Hạn

- Đây là Bảng học phí khóa học ngắn hạn dành cho những ứng viên có visa đang sống tại Nhật, đăng ký 3 tháng (hoặc 6 tháng đối với công dân một số nước).
- Ứng viên có thể nhập học vào giữa kì nếu có lớp còn chỗ trống phù hợp với kết quả của bài kiểm tra trình độ.
- Theo quy định, hạn chót đăng kí là 30 ngày trước ngày nhập học. Đối với trường hợp nhập học vào giữa kì, hạn chót đăng kí là một tháng trước khi khóa học đó bắt đầu.
- Theo quy định, nhận ứng viên theo từng học kì. Tuy nhiên, học phí phải được đóng một lần cho một học kì (10 tuần).
- Phí Tuyển sinh chỉ bao gồm trong học kì đầu tiên. Các học kì sau ứng viên chỉ thanh toán học phí của từng kì học. Chi phí cho tài liệu giảng dạy sẽ được tính theo số lượng học kì mà bạn theo học.

Thời lượng	1 học kỳ (10 tuần)	2 học kỳ (20 tuần)	2 tuần	3 tuần	4 tuần	5 tuần	6 tuần	7 tuần	8 tuần	9 tuần
Phí nhập học	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000	15,000
Học phí	155,000	310,000	31,000	46,500	62,000	77,500	93,000	108,500	124,000	139,500
Giáo trình	8,250	16,500	8,250	8,250	8,250	8,250	8,250	8,250	8,250	8,250
Cơ sở vật chất	8,250	16,500	1,650	2,475	3,300	4,125	4,950	5,775	6,600	7,425
Tổng cộng	186,500	358,000	55,900	72,225	88,550	104,875	121,200	137,525	153,850	170,175

Chương trình Kỹ năng đặc định • Hỗ trợ việc làm

Đây là chương trình dành cho những du học sinh muốn làm việc tại Nhật dưới dạng Visa kỹ năng đặc định loại 1. * Chi tiết xin hãy liên hệ

【Nội dung hỗ trợ bao gồm trong chương trình】

- | | |
|--|----------------------------|
| ① Khóa học tập trung đặc biệt Kỹ năng đặc định | ④ Thực tập có lương |
| ② e-Learning. | ⑤ Hỗ trợ tìm việc |
| ③ Khóa học hướng dẫn nghề nghiệp | ⑥ Hỗ trợ xin Visa đặc định |

Chi phí (Đơn vị : Yên) ※ Sẽ thu sau khi nhập học

Các mục bên trái ①~⑥	Các mục ②~⑥
60,000	30,000

Khóa học cá nhân - Chi phí

Số tiết học	1 người	2-5 người	6-10 người	11-15 người
1-20	6,800	6,400	4,200	3,100
21-50	6,400	5,700	3,500	2,400
51~	5,700	5,300	3,100	2,000

- 45 phút/tiết học (Đơn vị : Yên)
- Không bao gồm chi phí cho giáo trình học, phí này sẽ được thu riêng.
- Vui lòng liên hệ với chúng tôi nếu có yêu cầu cụ thể về ngày giờ.

Thông tin trường

Tên trường : Cao đẳng Kinh doanh Ngoại ngữ Nagano

Địa chỉ: 3-5-18 Chuo Ueda Nagano 386-0012

TEL : +81-268-23-7220

FAX : +81-268-22-4977

Liên hệ Tuyển sinh: +81-3-5960-1335
info@isi-global.com



Đi bộ 12 phút từ ga JR Ueda
Sân bay gần nhất: Haneda (HND) hoặc Narita (NRT)

Giờ học *Lịch học sẽ được quyết định sau khi có kết quả Thi xếp lớp.

Lớp sáng	8:50~10:20 / 10:30~12:00
Lớp chiều	13:00~14:30 / 14:40~16:10

Khoa Thiết Lập

Khóa học lên Khoa tiếng Nhật Bản (2 năm)

Khóa học lên Khoa tiếng Nhật Bản (1,5 năm)

Tokyo – Nhà ở và Dịch vụ đón tại sân bay

※ Dưới đây là phí nhà ở / Đưa đón sân bay áp dụng cho thời gian lưu trú từ 1/4/2022 đến 31/3/2023

Nhà ở - Các loại nhà & Chi phí

- Chúng tôi sẽ sắp xếp chỗ ở cho các bạn trong phạm vi có thể đi học. Nếu bạn là học viên khóa dài hạn, vui lòng đăng ký và làm theo trong "Campusmate-J". Nếu bạn là học viên khóa học ngắn hạn, vui lòng đăng ký bằng đơn đăng ký hoặc mẫu đơn.
- Ngày giờ nhập nhà/phòng khác nhau tùy theo từng loại nhà ở, vui lòng xác nhận Chi tiết quan trọng về Nhà ở và Dịch vụ đón từ sân bay. (trang 12)
- Thông tin chi tiết về chỗ ở sẽ được cung cấp sau khi hoàn thành các bước sắp xếp. Vui lòng liên hệ để có thông tin chi tiết về ngày nhận và trả phòng.
- Chúng tôi có thể không sắp xếp được cơ sở mong muốn. Về ký túc xá sinh viên sẽ tổ chức bốc thăm khi đủ sức chứa. Chúng tôi sẽ thông báo cho bạn kết quả sớm nhất.

① Ký túc xá sinh viên

- Có nhân viên thường trú tại chỗ
- Sống cùng với sinh viên đa quốc gia
- Chi phí hợp lý
- Thời gian đi lại: 20 phút đi bộ ~ 50 phút tàu điện
- Dùng chung phòng tắm, phòng bếp và nhà vệ sinh. Tự nấu ăn
- Bao gồm chăn, ga, gối.

② Nhà khách

- Sinh viên đa quốc tịch sống cùng nhau
- Dùng chung phòng khách, phòng bếp, phòng tắm và nhà vệ sinh.
- Tự nấu ăn. Đã bao gồm chăn, ga, gối
- Thời gian đi lại: 40-60 phút bằng tàu điện
- Có phòng đôi cho hai người đăng ký cùng nhau.

③ Căn hộ hàng tuần

- Trang bị đầy đủ đồ nội thất và đồ gia dụng.
- Thời gian đi lại: 30 phút bằng tàu điện
- Khu bếp nhỏ và phòng tắm riêng trong mỗi phòng. Tự nấu ăn
- Bao gồm chăn, ga, gối.
- Có căn hộ đôi cho hai người đăng ký cùng nhau.

④ Homestay (kèm ăn sáng và tối)

- Sống cùng gia đình người Nhật trong thời gian ngắn
- Thời gian đi lại: 40-60 phút bằng phương tiện công cộng (lên đến 90 phút vào mùa hè)
- Lưu trú tối đa 12 tuần (có thể gia hạn sau khi đến Nhật). Tùy theo gia đình Homestay, nếu có nguyện vọng ở dài hạn thì hãy truyền đạt khi đăng ký.
- Giá tăng thêm 2,500 JPY/đêm vào dịp lễ cuối năm (23/12~04/01)
- Nhà trường sẽ sắp xếp sau khi nhận "Đơn đăng ký ở Homestay"

Chi phí lưu trú dài hạn (1 học kỳ/3 tháng) (Đơn vị: Yên)

Lưu trú dài hạn áp dụng cho sinh viên đăng ký ở 3 tháng. Giá đã bao gồm điện nước ga và Internet.

Lưu trú dài hạn ký hợp đồng theo đơn vị 3 tháng nên không chia tính theo ngày

Loại phòng	Số người ở	Loại	Phí vào ký túc xá	Phí cơ sở vật chất	Phí dọn vệ sinh	Tiền thuê hàng tháng	Tổng cộng 1 học kỳ (3 tháng)	※Tổng 6 tháng
Ký túc xá Sinh viên	1 người	A	40,000	30,000	10,000	81,000	323,000	536,000
	1 người	B				72,000	296,000	482,000
	2 người	-				53,000	239,000	368,000

※ Chỉ có sinh viên kỳ tháng 10 có thể đăng ký 6 tháng với một lần trả duy nhất. Trong trường hợp đó, phí cơ sở vật chất (30.000 yên) sẽ được miễn.

※ Loại A và B khác nhau về diện tích phòng, số năm xây dựng, khoảng cách đến nhà ga gần nhất, v.v.

Chi phí lưu trú ngắn hạn (từ 2 đến 11 tuần) (Đơn vị Yên)

Chi phí thể hiện theo loại nhà và phòng. Thời hạn lưu trú tối thiểu là 2 tuần (14 ngày và 13 đêm).

4 tuần tương đương với 28 ngày và 27 đêm. Giá đã bao gồm điện nước ga và Internet.

Nhà ở	Số người ở	Phí vào ký túc / Phí đăng ký	Giá mỗi ngày/đêm	Tổng cộng 2 tuần	Tổng cộng 4 tuần (1 tháng)
Ký túc xá sinh viên	1 người	30,000	3,800/ngày	83,200	136,400
	2 người	20,000	2,900/ngày	60,600	101,200
Nhà khách	1 người	30,000	3,800/ngày	83,200	136,400
	2 người	20,000	2,900/ngày	60,600	101,200
Căn hộ hàng tuần	1 người	22,000	6,800/đêm	110,400	205,600
	2 người	22,000	4,500/đêm	80,500	143,500
Homestay	1 người	22,000	5,500/đêm	93,500	170,500

Chi phí Dịch vụ đưa đón (Sân bay Narita / Haneda) - Đối với sinh viên có đặt nhà ở

Vui lòng gửi thông tin chuyến bay (ngày đến, số hiệu chuyến bay) **2 tuần trước khi đến** đối với Sinh viên ở Ký túc xá và **1 tháng trước khi đến** đối với sinh viên khác. (Hoặc gửi vé điện tử thông qua email).

Nhân viên đón sẽ đợi tại cổng đến. Vui lòng tham khảo thông tin chi tiết về thời gian đón (trang 12).

Điểm đến	Một chiều	Phương tiện	Chi tiết
Ký túc xá sinh viên	6,000 JPY	Nhân viên hoặc bên Trường ủy thác	Giá đặc biệt áp dụng cho ngày nhận phòng ký túc xá được chỉ định. Nếu đến sân bay Haneda hoặc vào ngày khác, một mức phí khác (12,000 JPY) sẽ được tính. Kiểm tra lịch trường để biết ngày chỉ định nhận phòng ký túc xá. Đã bao gồm 1 kiện hành lý ký gửi & 1 kiện xách tay. Thêm 1 kiện xách tay sẽ cộng thêm 1,000 JPY (Chỉ được tăng thêm 1 kiện)
Homestay	18,000 JPY	Phương tiện công cộng	Dịch vụ đón sẽ được sắp xếp sau khi ISI xác nhận thanh toán.
Nhà khách/ Căn hộ hàng tuần	31,000 JPY	Taxi	

Kyoto - Nhà ở và Dịch vụ đón tại sân bay

※Dưới đây là phí nhà ở / Đưa đón sân bay áp dụng cho thời gian lưu trú từ 1/4/2022 đến 31/3/2023

Nhà ở : Các loại nhà & Chi phí

- Chúng tôi sẽ sắp xếp chỗ ở cho các bạn trong phạm vi có thể đi học. Nếu bạn là học viên khóa dài hạn, vui lòng đăng ký và làm theo trong "Campusmate-J". Nếu bạn là học viên khóa học ngắn hạn, vui lòng đăng ký bằng đơn đăng ký hoặc mẫu đơn.
- Ngày giờ nhập nhà/phòng khác nhau tùy theo từng loại nhà ở, vui lòng xác nhận Thông báo quan trọng về Nhà ở và Dịch vụ đón từ sân bay (trang 12)
- Thông tin chi tiết về chỗ ở sẽ được cung cấp sau khi hoàn thành các bước sắp xếp. Vui lòng liên hệ để có thông tin chi tiết về ngày nhận và trả phòng.

① Ký túc xá sinh viên

- Có nhân viên thường trú tại chỗ
- Sống cùng với sinh viên đa quốc gia
- Chi phí hợp lý
- Thời gian đi lại: 13 phút đi bộ ~ 20 phút đi bộ+ tàu điện
- Dùng chung phòng tắm, bếp và nhà vệ sinh. Tự nấu ăn
- Bao gồm chăn, ga, gối.

② Homestay

- Sống cùng với gia đình người Nhật trong thời gian ngắn.
- Thời gian đi lại: khoảng 40-60 phút bằng phương tiện công cộng (lên đến 90 phút vào mùa hè)
- Lưu trú tối đa 12 tuần (có thể gia hạn sau khi đến Nhật). Tùy theo gia đình Homestay, nếu có nguyện vọng ở dài hạn thì hãy truyền đạt khi đăng ký.
- Giá tăng thêm 2,500 JPY/đêm vào dịp lễ cuối năm (từ 23/12~04/01)
- Nhà trường sẽ sắp xếp sau khi nhận "Đơn đăng kí ở Homestay"

Chi phí lưu trú dài hạn (1 học kỳ/ 3 tháng) (Đơn vị : Yên)

Lưu trú dài hạn áp dụng cho sinh viên đăng kí ở 3 tháng. Giá đã bao gồm điện nước ga và Internet.

Lưu trú dài hạn ký hợp đồng theo đơn vị 3 tháng nên không chia ngày. Ngoài tiền nhà, có thể phát sinh phí hóa đơn hàng tháng.

Loại phòng	Số người ở	Loại	Phí vào ký túc	Phí cơ sở vật chất	Phí dọn vệ sinh	Tiền thuê hàng tháng	Tổng cộng 1 học kì (3 tháng)	※Tổng 6 tháng
Ký túc xá Sinh viên	1 người	A	40,000	30,000	10,000	72,000	296,000	482,000
		B				60,000	260,000	410,000
	2 người	A				50,000	230,000	350,000
		B				46,000	218,000	326,000

※ Chi có sinh viên kỳ tháng 10 có thể đăng ký 6 tháng với một lần trả duy nhất. Trong trường hợp đó, phí cơ sở vật chất (30.000 yên) sẽ được miễn.

Chi phí lưu trú ngắn hạn (từ 2 đến 11 tuần) (Đơn vị : Yên)

Chi phí tùy theo loại nhà và phòng. Thời hạn lưu trú tối thiểu là 2 tuần (14 ngày và 13 đêm).

4 tuần tương đương với 28 ngày và 27 đêm. Giá đã bao gồm điện nước ga và Internet.

Nhà ở	Số người ở	Loại	Phí vào ký túc / Phí đăng ký	Giá mỗi ngày/đêm	Tổng cộng 2 tuần	Tổng cộng 4 tuần (1 tháng)
Ký túc xá Sinh viên*	1 người	A	30,000	3,400/ngày	77,600	125,200
		B		3,200/ngày	74,800	119,600
	2 người	A	20,000	2,800/ngày	59,200	98,400
		B		2,600/ngày	56,400	92,800
Homestay	1 người	-	22,000	5,500/đêm	93,500	170,500

*Các phòng đơn Ký túc xá sinh viên: Loại A: Enmachi ①; Loại B: Enmachi ② (※ Phòng ở Enmachi ① & ② có diện tích khác nhau)

*Các phòng đôi Ký túc xá sinh viên: Loại A: Enmachi; Loại B: Saga Arashiyama; Loại C: Saga Kariwake & Kameoka

Chi phí Dịch vụ đưa đón (Sân bay Kansai) - Đối với Sinh viên có đặt nhà ở

Vui lòng gửi thông tin chuyến bay (ngày đến, số hiệu chuyến bay) **2 tuần trước khi đến** (hoặc gửi vé điện tử thông qua email).

Đối với sân bay Kansai, bạn sẽ được đón tại Quay xe Yasaka Kanku ở Sân đến quốc tế thuộc Nhà ga số 1.

Vui lòng tham khảo thông tin chi tiết về thời gian đón (trang 12).

Điểm đến	Một chiều	Phương tiện	Chi tiết
Trường/Ký túc xá sinh viên (Ngày vào Ký túc xá)	6,000 JPY	Đi chung taxi hoặc Phương tiện công cộng	Trong trường hợp đi chung taxi, giá đã bao gồm 1 kiện hành lý. Nếu bạn có thêm hành lý, vui lòng trả thêm 1,000JPY đối với 1 kiện hành lý xách tay (tối đa thêm chi 1 kiện hành lý).
Ký túc xá quốc tế Kameoka (Ngày vào ký túc xá)	10,000 JPY		
Đáp máy bay khác ngày vào ký túc xá đã được chỉ định (Đi cùng taxi)	15,000 JPY		
Homestay	18,000 JPY		

Nagano – Nhà ở và Dịch vụ đón tại sân bay

※Dưới đây là phí nhà ở / Đưa đón sân bay áp dụng cho thời gian lưu trú từ 1/4/2022 đến 31/3/2023

Nhà ở: Các loại nhà & Chi phí

- Chúng tôi sẽ sắp xếp chỗ ở cho các bạn trong phạm vi có thể đi học. Nếu bạn là học viên khóa dài hạn, vui lòng đăng ký và làm theo trong "Campusmate-J". Nếu bạn là học viên khóa học ngắn hạn, vui lòng đăng ký bằng đơn đăng ký hoặc mẫu đơn.
- Ngày giờ nhập nhà/phòng khác nhau tùy theo từng loại nhà ở, vui lòng xác nhận “Thông báo quan trọng về Nhà ở và Dịch vụ đón từ sân bay.” (trang 12)
- Thông tin chi tiết về chỗ ở sẽ được cung cấp sau khi hoàn thành các bước sắp xếp. Vui lòng liên hệ để có thông tin chi tiết về ngày nhận và trả phòng.

① Ký túc xá sinh viên

- Khoảng cách từ trường: đi bộ chỉ 10-15 phút
- Sống cùng với sinh viên đa quốc gia
- Chi phí hợp lý
- Dùng chung phòng tắm, bếp và nhà vệ sinh. Tự nấu ăn.
- Bao gồm chăn, ga, gối.
- Loại Ký túc xá sinh viên có thể không phù hợp với các yêu cầu đặc biệt của bạn.

② Homestay

- Sống cùng với gia đình người Nhật trong thời gian ngắn.
- Thời gian đi lại: khoảng 40-60 phút bằng phương tiện công cộng
- ※ Có trường hợp đi xe đạp từ Homestay đến ga gần nhất
- Lưu trú tối đa 12 tuần (có thể gia hạn sau khi đến Nhật) Tùy theo gia đình Homestay, nếu có nguyện vọng ở dài hạn thì hãy truyền đạt khi đăng ký.
- Giá tăng thêm 2,500 JPY/đêm vào dịp lễ cuối năm (từ 23/12~04/01)
- Nhà trường sẽ sắp xếp sau khi nhận “Đơn đăng ký ở Homestay”

Chi phí lưu trú dài hạn (6 tháng) (Đơn vị : Yên)

Lưu trú dài hạn áp dụng cho sinh viên đăng ký ở 6 tháng. Giá đã bao gồm điện nước ga và Internet.

Khi đăng ký, học sinh nộp 6 tháng ký túc xá sẽ được giảm 30,000 yên.

※ Lưu trú dài hạn ký hợp đồng theo đơn vị tháng nên không chia ngày.

Loại phòng	Số người ở	Loại	Phí vào ký túc	Phí cơ sở vật chất	Phí dọn vệ sinh	Tiền thuê hàng tháng	Tổng cộng 1 học kì (6 tháng)	※ Tổng 3 tháng
Ký túc xá sinh viên	1 người	A	30,000	20,000	10,000	65,000	420,000	255,000
	2 người	A				43,000	288,000	189,000
		B				39,000	264,000	177,000
	3 người	A				32,000	222,000	156,000
	4 người	B				32,000	222,000	156,000

* Loại A: Tòa nhà chính Ký túc xá quốc tế Konyamachi. *Loại B: Tòa nhà Annex Ký túc xá quốc tế Konyamachi (chỉ dành cho sinh viên nam)

Chi phí lưu trú ngắn hạn (từ 2 đến 23 tuần) (Đơn vị : Yên)

Chi phí thể hiện theo loại nhà và phòng. Thời hạn lưu trú tối thiểu là 2 tuần (14 ngày và 13 đêm).

Giá đã bao gồm điện, nước, ga và Internet.

※ 4 tuần tương đương với 28 ngày và 27 đêm. 1 học kỳ được tính tổng cộng là 90 ngày lưu trú.

Loại phòng	Số người ở	Phí vào ký túc /Phí đăng kí	Giá mỗi ngày/đêm	Tổng cộng 2 tuần	Tổng cộng 4 tuần
Kí túc xá sinh viên	1 người	20,000	2,900/ngày	60,600	101,200
	2 người		2,000/ngày	48,000	76,000
Homestay	1 người	22,000	5,500/đêm	93,500	170,500

Chi phí Dịch vụ đưa đón (Sân bay Haneda & Narita) Đối với sinh viên có đặt nhà ở

Vui lòng gửi thông tin chuyến bay (ngày đến, số hiệu chuyến bay) **2 tuần trước khi đến** (hoặc gửi vé điện tử thông qua email).

Nhân viên đón sẽ đợi tại cổng đến. **Khung giờ áp dụng dịch vụ: 5:00 – 15:00.**

Vui lòng tham khảo thông tin chi tiết về thời gian đón (trang 12).

Điểm đến	Một chiều	Phương tiện	Chi tiết
Trường Ký túc xá sinh viên Homestay	18,000 JPY	Đi chung taxi	Giá đã bao gồm 1 kiện hành lý ký gửi và 1 hành lý xách tay. Nếu bạn có nhiều hành lý, vui lòng trả thêm 1,000 JPY cho mỗi kiện hành lý xách tay.

Lưu ý về Nhà ở và Dịch vụ đón từ sân bay

Các bước từ Đặt chỗ đến ngày nhập cảnh

	Ký túc xá Sinh viên	Nhà khách / Căn hộ hàng tuần / Homestay
1	Vui lòng đăng ký và làm theo trong "Campusmate-J". Nếu bạn là học viên khóa học ngắn hạn, vui lòng đăng ký bằng đơn đăng ký hoặc mẫu đơn.	
2	Căn cứ vào loại nhà đăng ký, Trường sẽ sắp xếp chỗ ở phù hợp với mong muốn của bạn trong phạm vi đi lại thuận tiện nhất.	
3	Chúng tôi sẽ liên hệ với bạn sau khi xác nhận tình trạng còn trống của ký túc xá. Trường hợp đủ số người, sẽ tổ chức bốc thăm. Chúng tôi sẽ thông báo cho bạn kết quả sớm nhất.	Trường sẽ sắp xếp chỗ lưu trú cho bạn. ※ Nếu chọn ở Homestay, hãy gửi mẫu "Đăng ký Homestay" trước 2 tháng. ISI sẽ sắp xếp dựa theo đăng ký của bạn.
4	Đối tượng cần visa Sinh viên: Sau khi giấy Chứng nhận Tư cách Lưu trú (COE) được cấp, Trường sẽ xuất Giấy yêu cầu thanh toán học phí. Vui lòng chuyển khoản thanh toán đến tài khoản ngân hàng được chỉ định ghi trên Giấy yêu cầu thanh toán. Đối tượng không cần visa Sinh viên: Trường sẽ gửi Giấy yêu cầu thanh toán Học phí và Nhà ở.	Đối tượng cần visa Sinh viên: Sau khi hoàn tất các thủ tục, Yêu cầu thanh toán học phí lưu trú sẽ được gửi. Yêu cầu thanh toán học phí sẽ được gửi sau khi giấy Chứng nhận Tư cách Lưu trú (COE) được cấp. Vui lòng chuyển khoản thanh toán đến tài khoản ngân hàng được chỉ định ghi trên Giấy yêu cầu thanh toán. Đối tượng không cần visa Sinh viên: Trường sẽ gửi Giấy yêu cầu thanh toán Học phí và Nhà ở.
5	Khoảng 2 tuần trước khi bắt đầu học, sau khi nhận được khoản thanh toán của bạn, Trường sẽ gửi thông tin chi tiết liên quan đến việc đưa đón tại sân bay và lưu trú của bạn (giấy xác nhận ở Ký túc xá)	Sau khi nhận được khoản thanh toán của bạn, Trường sẽ gửi thông tin chi tiết liên quan đến việc đưa đón tại sân bay và lưu trú của bạn (Hướng dẫn nhà ở, thông tin Homestay, v.v...) ※ Nếu không nhận được khoản thanh toán của bạn trước ngày chỉ định, có trường hợp việc đặt chỗ sẽ tự động bị hủy.
6	Vui lòng đặt chuyến bay và gửi thông tin ngày giờ đến, số hiệu chuyến bay (vé điện tử) cho Trường trong "Campusmate-J" trong 2 tuần trước khi đến. ※ Hãy gửi thông tin bất kể bạn có sử dụng dịch vụ đón tại sân bay hay không). Vui lòng đến Nhật Bản đúng ngày giờ nhận phòng được chỉ định.	Vui lòng đặt chuyến bay và gửi thông tin ngày đến, số hiệu chuyến bay (vé điện tử) cho ISI ※ Những ai đăng ký ở Homestay và dùng dịch vụ đưa đón tại sân bay vui lòng gửi thông tin 1 tháng trước ngày đến. Những ai nằm ngoài diện này vui lòng gửi thông tin 2 tuần trước khi đến.

Lưu ý

- Nếu bạn không thể xác nhận nhà ở khi đăng ký, ISI sẽ đặt mức nhà ở cao nhất và hoàn trả phần chênh lệch.
- Trường hợp ký túc xá đủ số người, sẽ tổ chức bốc thăm và ngừng nhận đơn đăng ký.
- Xin liên hệ trước nếu bạn đến vào cuối tuần, ngày lễ, hoặc thời gian khác với ngày nhận phòng được chỉ định.
- Xin liên hệ với Trung tâm tư vấn Tuyển sinh nếu bạn có thắc mắc liên quan đến nhập học hoặc ngày trả phòng.
- Nếu muốn gia hạn thời gian lưu trú, vui lòng đăng ký trực tiếp tại nơi ở sau khi chuyển vào. Nếu còn trống, bạn có thể gia hạn lưu trú 3 tháng 1 lần.
- Nếu không thể gia hạn và các ký túc xá của ISI không sắp xếp được, chúng tôi có thể giới thiệu bạn với các cơ sở quản lý Bất động sản khác.
- Sau khi nhận phòng sẽ không thể hoàn trả tiền.
- Nếu yêu cầu thời gian nhận phòng khác với ngày giờ được chỉ định, vui lòng liên hệ với người phụ trách của trường trước khi mua vé máy bay
- Những bạn đăng ký ký túc xá có thể sẽ phải đợi tại sân bay.

Thời gian Nhận phòng / Đến sân bay

Địa điểm	Sân bay đến	Loại nhà ở	Giờ nhận phòng	Giờ đến sân bay
Tokyo	Narita hoặc Haneda	Ký túc xá	9:00-20:00 (※1)	8:00-18:00
		Căn hộ hàng tuần	14:00-18:00	8:00-15:00
		Nhà khách	9:00-18:00	8:00-15:00
		Homestay	9:00-20:00	8:00-18:00
Kyoto	Kansai	Ký túc xá sinh viên	9:00-20:00 (※3)	10:00-18:00 (※4)
		Homestay	9:00-20:00	8:00-18:00
Nagano	Narita hoặc Haneda	Ký túc xá sinh viên	9:00-20:00	5:00-15:00
		Homestay	9:00-20:00	5:00-15:00

(※ 1) Ký túc xá sinh viên ở Tokyo sẽ mở cửa đến 22:00 vào ngày nhận phòng được chỉ định.

Lịch học 2022 Cơ sở Takadanobaba

						
Ngày nghỉ	Ngày nhận phòng ký túc xá	Buổi định hướng nhập học	Ngày nhập học	Ngày học đầu tiên	Ngày nhập học giữa kỳ/ Khóa ngắn hạn	Thi Cuối kỳ

※Ngày lễ có khả năng bị thay đổi

Học kỳ mùa xuân (Số ngày học: 10 tuần)

Tháng 4 năm 2022							Tháng 5 năm 2022							Tháng 6 năm 2022						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
					1	2							30		30	31	1	2	3	4
3	4	5	6	7	8	9	1	2	3	4	5	6	7	5	6	7	8	9	10	11
10	11	12	13	14	15	16	8	9	10	11	12	13	14	12	13	14	15	16	17	18
17	18	19	20	21	22	23	15	16	17	18	19	20	21	19	20	21	22	23	24	25
24	25	26	27	28	29	30	22	23	24	25	26	27	28	26	27	28	29	30	1	2
							29	30	31											

Học kỳ mùa hè (Số ngày học: 10 tuần)

Tháng 7 năm 2022							Tháng 8 năm 2022							Tháng 9 năm 2022						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
					1	2	31	1	2	3	4	5	6		29	30	31	1	2	3
3	4	5	6	7	8	9	7	8	9	10	11	12	13	4	5	6	7	8	9	10
10	11	12	13	14	15	16	14	15	16	17	18	19	20	11	12	13	14	15	16	17
17	18	19	20	21	22	23	21	22	23	24	25	26	27	18	19	20	21	22	23	24
24	25	26	27	28	29	30	28	29	30	31	1	2	3	25	26	27	28	29	30	1
31																				

Học kỳ mùa thu (Số ngày học: 10 tuần)

Tháng 10 năm 2022							Tháng 11 năm 2022							Tháng 12 năm 2022						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
						1	30	31	1	2	3	4	5	27	28	29	30	1	2	3
2	3	4	5	6	7	8	6	7	8	9	10	11	12	4	5	6	7	8	9	10
9	10	11	12	13	14	15	13	14	15	16	17	18	19	11	12	13	14	15	16	17
16	17	18	19	20	21	22	20	21	22	23	24	25	26	18	19	20	21	22	23	24
23	24	25	26	27	28	29	27	28	29	30	1	2	3	25	26	27	28	29	30	31
30	31																			

Học kỳ mùa đông (Số ngày học: 10 tuần)

Tháng 1 năm 2023							Tháng 2 năm 2023							Tháng 3 năm 2023						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
1	2	3	4	5	6	7	29	30	31	1	2	3	4	26	27	28	1	2	3	4
8	9	10	11	12	13	14	5	6	7	8	9	10	11	5	6	7	8	9	10	11
15	16	17	18	19	20	21	12	13	14	15	16	17	18	12	13	14	15	16	17	18
22	23	24	25	26	27	28	19	20	21	22	23	24	25	19	20	21	22	23	24	25
29	30	31					26	27	28	1	2	3	4	26	27	28	29	30	31	13

Lịch học 2022 Cơ sở Ikebukuro

						
Ngày nghỉ	Ngày nhận phòng ký túc xá	Buổi định hướng nhập học	Ngày nhập học	Ngày học đầu tiên	Ngày nhập học giữa kỳ/ Khóa ngắn hạn	Thi Cuối kỳ

※Ngày lễ có khả năng bị thay đổi

Học kỳ mùa xuân (Số ngày học: 10 tuần)

Tháng 4 năm 2022							Tháng 5 năm 2022							Tháng 6 năm 2022						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
					1	2							30		30	31	1	2	3	4
3	4	5	6	7	8	9	1	2	3	4	5	6	7	5	6	7	8	9	10	11
10	11	12	13	14	15	16	8	9	10	11	12	13	14	12	13	14	15	16	17	18
17	18	19	20	21	22	23	15	16	17	18	19	20	21	19	20	21	22	23	24	25
24	25	26	27	28	29	30	22	23	24	25	26	27	28	26	27	28	29	30	1	2
							29	30	31											

Học kỳ mùa hè (Số ngày học: 10 tuần)

Tháng 7 năm 2022							Tháng 8 năm 2022							Tháng 9 năm 2022						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
					1	2	31	1	2	3	4	5	6		29	30	31	1	2	3
3	4	5	6	7	8	9	7	8	9	10	11	12	13	4	5	6	7	8	9	10
10	11	12	13	14	15	16	14	15	16	17	18	19	20	11	12	13	14	15	16	17
17	18	19	20	21	22	23	21	22	23	24	25	26	27	18	19	20	21	22	23	24
24	25	26	27	28	29	30	28	29	30	31	1	2	3	25	26	27	28	29	30	1
31																				

Học kỳ mùa thu (Số ngày học: 10 tuần)

Tháng 10 năm 2022							Tháng 11 năm 2022							Tháng 12 năm 2022						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
						1	30	31	1	2	3	4	5	27	28	29	30	1	2	3
2	3	4	5	6	7	8	6	7	8	9	10	11	12	4	5	6	7	8	9	10
9	10	11	12	13	14	15	13	14	15	16	17	18	19	11	12	13	14	15	16	17
16	17	18	19	20	21	22	20	21	22	23	24	25	26	18	19	20	21	22	23	24
23	24	25	26	27	28	29	27	28	29	30	1	2	3	25	26	27	28	29	30	31
30	31																			

Học kỳ mùa đông (Số ngày học: 10 tuần)

Tháng 1 năm 2023							Tháng 2 năm 2023							Tháng 3 năm 2023						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
1	2	3	4	5	6	7	29	30	31	1	2	3	4	26	27	28	1	2	3	4
8	9	10	11	12	13	14	5	6	7	8	9	10	11	5	6	7	8	9	10	11
15	16	17	18	19	20	21	12	13	14	15	16	17	18	12	13	14	15	16	17	18
22	23	24	25	26	27	28	19	20	21	22	23	24	25	19	20	21	22	23	24	25
29	30	31					26	27	28	1	2	3	4	26	27	28	29	30	31	14

Lịch học 2022

Cơ sở Harajuku

						
Ngày nghỉ	Ngày nhận phòng ký túc xá	Buổi định hướng nhập học	Ngày nhập học	Ngày học đầu tiên	Ngày nhập học giữa kỳ/ Khóa ngắn hạn	Thi Cuối kỳ

※Ngày lễ có khả năng bị thay đổi

Học kỳ mùa xuân (Số ngày học: 10 tuần)

Tháng 4 năm 2022							Tháng 5 năm 2022							Tháng 6 năm 2022						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
					1	2							30		30	31	1	2	3	4
3	4	5	6	7	8	9	1	2	3	4	5	6	7	5	6	7	8	9	10	11
10	11	12	13	14	15	16	8	9	10	11	12	13	14	12	13	14	15	16	17	18
17	18	19	20	21	22	23	15	16	17	18	19	20	21	19	20	21	22	23	24	25
24	25	26	27	28	29	30	22	23	24	25	26	27	28	26	27	28	29	30	1	2
							29	30	31											

Học kỳ mùa hè (Số ngày học: 10 tuần)

Tháng 7 năm 2022							Tháng 8 năm 2022							Tháng 9 năm 2022						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
					1	2	31	1	2	3	4	5	6		29	30	31	1	2	3
3	4	5	6	7	8	9	7	8	9	10	11	12	13	4	5	6	7	8	9	10
10	11	12	13	14	15	16	14	15	16	17	18	19	20	11	12	13	14	15	16	17
17	18	19	20	21	22	23	21	22	23	24	25	26	27	18	19	20	21	22	23	24
24	25	26	27	28	29	30	28	29	30	31	1	2	3	25	26	27	28	29	30	1
31																				

Học kỳ mùa thu (Số ngày học: 10 tuần)

Tháng 10 năm 2022							Tháng 11 năm 2022							Tháng 12 năm 2022						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
						1	30	31	1	2	3	4	5	27	28	29	30	1	2	3
2	3	4	5	6	7	8	6	7	8	9	10	11	12	4	5	6	7	8	9	10
9	10	11	12	13	14	15	13	14	15	16	17	18	19	11	12	13	14	15	16	17
16	17	18	19	20	21	22	20	21	22	23	24	25	26	18	19	20	21	22	23	24
23	24	25	26	27	28	29	27	28	29	30	1	2	3	25	26	27	28	29	30	31
30	31																			

Học kỳ mùa đông (Số ngày học: 10 tuần)

Tháng 1 năm 2023							Tháng 2 năm 2023							Tháng 3 năm 2023						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
1	2	3	4	5	6	7	29	30	31	1	2	3	4	26	27	28	1	2	3	4
8	9	10	11	12	13	14	5	6	7	8	9	10	11	5	6	7	8	9	10	11
15	16	17	18	19	20	21	12	13	14	15	16	17	18	12	13	14	15	16	17	18
22	23	24	25	26	27	28	19	20	21	22	23	24	25	19	20	21	22	23	24	25
29	30	31					26	27	28	1	2	3	4	26	27	28	29	30	31	15

Lịch học 2022 Cơ sở Kyoto

						
Ngày nghỉ	Ngày nhận phòng ký túc xá	Buổi định hướng nhập học	Ngày nhập học	Ngày học đầu tiên	Ngày nhập học giữa kỳ/ Khóa ngắn hạn	Thi Cuối kỳ

※Ngày lễ có khả năng bị thay đổi

Học kỳ mùa xuân (Số ngày học : 10 tuần)

Tháng 4 năm 2022							Tháng 5 năm 2022							Tháng 6 năm 2022						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
					1	2							30		30	31	1	2	3	4
3	4	5	6	7	8	9	1	2	3	4	5	6	7	5	6	7	8	9	10	11
10	11	12	13	14	15	16	8	9	10	11	12	13	14	12	13	14	15	16	17	18
17	18	19	20	21	22	23	15	16	17	18	19	20	21	19	20	21	22	23	24	25
24	25	26	27	28	29	30	22	23	24	25	26	27	28	26	27	28	29	30	1	2
							29	30	31											

Học kỳ mùa hè (Số ngày học : 10 tuần)

Tháng 7 năm 2022							Tháng 8 năm 2022							Tháng 9 năm 2022						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
					1	2	31	1	2	3	4	5	6		29	30	31	1	2	3
3	4	5	6	7	8	9	7	8	9	10	11	12	13	4	5	6	7	8	9	10
10	11	12	13	14	15	16	14	15	16	17	18	19	20	11	12	13	14	15	16	17
17	18	19	20	21	22	23	21	22	23	24	25	26	27	18	19	20	21	22	23	24
24	25	26	27	28	29	30	28	29	30	31	1	2	3	25	26	27	28	29	30	1
31																				

Học kỳ mùa thu (Số ngày học : 10 tuần)

Tháng 10 năm 2022							Tháng 11 năm 2022							Tháng 12 năm 2022						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
						1	30	31	1	2	3	4	5	27	28	29	30	1	2	3
2	3	4	5	6	7	8	6	7	8	9	10	11	12	4	5	6	7	8	9	10
9	10	11	12	13	14	15	13	14	15	16	17	18	19	11	12	13	14	15	16	17
16	17	18	19	20	21	22	20	21	22	23	24	25	26	18	19	20	21	22	23	24
23	24	25	26	27	28	29	27	28	29	30	1	2	3	25	26	27	28	29	30	31
30	31																			

Học kỳ mùa đông (Số ngày học : 10 tuần)

Tháng 1 năm 2023							Tháng 2 năm 2023							Tháng 3 năm 2023						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
1	2	3	4	5	6	7	29	30	31	1	2	3	4	26	27	28	1	2	3	4
8	9	10	11	12	13	14	5	6	7	8	9	10	11	5	6	7	8	9	10	11
15	16	17	18	19	20	21	12	13	14	15	16	17	18	12	13	14	15	16	17	18
22	23	24	25	26	27	28	19	20	21	22	23	24	25	19	20	21	22	23	24	25
29	30	31					26	27	28	1	2	3	4	26	27	28	29	30	31	16

Lịch học 2022 Cơ sở Nagano

						
Ngày nghỉ	Ngày nhận phòng ký túc xá	Buổi định hướng nhập học	Ngày nhập học	Ngày học đầu tiên	Ngày nhập học giữa kỳ/ Khóa ngắn hạn	Thi Cuối kỳ

※Ngày lễ có khả năng bị thay đổi

Tháng 4 năm 2022							Tháng 5 năm 2022							Tháng 6 năm 2022						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
					1	2							30		30	31	1	2	3	4
3	4	5	6	7	8	9	1	2	3	4	5	6	7	5	6	7	8	9	10	11
10	11	12	13	14	15	16	8	9	10	11	12	13	14	12	13	14	15	16	17	18
17	18	19	20	21	22	23	15	16	17	18	19	20	21	19	20	21	22	23	24	25
24	25	26	27	28	29	30	22	23	24	25	26	27	28	26	27	28	29	30	1	2
							29	30	31											

Tháng 7 năm 2022							Tháng 8 năm 2022							Tháng 9 năm 2022						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
					1	2	31	1	2	3	4	5	6		29	30	31	1	2	3
3	4	5	6	7	8	9	7	8	9	10	11	12	13	4	5	6	7	8	9	10
10	11	12	13	14	15	16	14	15	16	17	18	19	20	11	12	13	14	15	16	17
17	18	19	20	21	22	23	21	22	23	24	25	26	27	18	19	20	21	22	23	24
24	25	26	27	28	29	30	28	29	30	31	1	2	3	25	26	27	28	29	30	1
31																				

Tháng 10 năm 2022							Tháng 11 năm 2022							Tháng 12 năm 2022						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
						1	30	31	1	2	3	4	5	27	28	29	30	1	2	3
2	3	4	5	6	7	8	6	7	8	9	10	11	12	4	5	6	7	8	9	10
9	10	11	12	13	14	15	13	14	15	16	17	18	19	11	12	13	14	15	16	17
16	17	18	19	20	21	22	20	21	22	23	24	25	26	18	19	20	21	22	23	24
23	24	25	26	27	28	29	27	28	29	30	1	2	3	25	26	27	28	29	30	31
30	31																			

Tháng 1 năm 2023							Tháng 2 năm 2023							Tháng 3 năm 2023						
日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土	日	月	火	水	木	金	土
1	2	3	4	5	6	7	29	30	31	1	2	3	4	26	27	28	1	2	3	4
8	9	10	11	12	13	14	5	6	7	8	9	10	11	5	6	7	8	9	10	11
15	16	17	18	19	20	21	12	13	14	15	16	17	18	12	13	14	15	16	17	18
22	23	24	25	26	27	28	19	20	21	22	23	24	25	19	20	21	22	23	24	25
29	30	31					26	27	28	1	2	3	4	26	27	28	29	30	31	17

Thông tin Thanh toán

Phương thức thanh toán

- Vui lòng thanh toán thông qua chuyển khoản ngân hàng hoặc Flywire. (Vui lòng trả lệ phí xin Visa khi nộp đơn).

Cách sử dụng Flywire để thanh toán:

- Flywire là dịch vụ thanh toán quốc tế dành cho các tổ chức giáo dục cho phép bạn chuyển tiền từ tài khoản ngân hàng hoặc thẻ tín dụng cá nhân sang tài khoản ngân hàng của Trường.
- Vui lòng truy cập trang web của Flywire dành cho các cơ sở thuộc trường Nhật ngữ ISI và tạo tài khoản trước khi tiến hành thanh toán. Trang web có sẵn các ngôn ngữ: tiếng Anh, tiếng Trung (Giản thể), tiếng Hàn, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Pháp, tiếng Nhật và tiếng Bồ Đào Nha.

Takadanobaba - Tokyo https://www.flywire.com/pay/isi-takadanobaba 	Kyoto https://www.flywire.com/pay/isi-kyoto 
Ikebukuro - Tokyo https://www.flywire.com/pay/isi-ikebukuro 	Nagano https://www.flywire.com/pay/nagano-business-language 
Harajuku-Tokyo https://www.flywire.com/pay/isi-harajuku 	

- Trong trường hợp chuyển khoản ngân hàng, một khoản phí chuyển khoản sẽ được tính.
- Xin lưu ý mọi khoản phí khi chuyển khoản ngân hàng phải do khách hàng chịu.

Hạn thanh toán

- Đối với các khoản thanh toán khác nhau, vui lòng kiểm tra hóa đơn được gửi từ "Campusmate-J" hoặc thông báo bởi từ Trường và thanh toán trước thời hạn được ghi trên hóa đơn.
- Kỳ hạn thanh toán:
 Người cần Visa sinh viên: trong vòng 1 tuần sau khi được cấp Giấy Tư cách lưu trú (COE).
 Người không cần Visa sinh viên đã đăng ký hơn 2 tháng trước ngày Nhập học: 30 ngày sau ngày đăng ký.
 Người không cần Visa sinh viên đã đăng ký trong vòng 2 tháng trước ngày Nhập học: trong vòng 7 ngày sau ngày đăng ký.
 Phí nhà ở: một tháng trước ngày Nhận phòng.
- Nếu không có thông báo trước và khoản thanh toán không thể được Trường xác nhận trước ngày đáo hạn, đăng ký sẽ tự động bị hủy.
- Vui lòng liên hệ với Trường nếu việc chuyển khoản không thể thực hiện đúng kì hạn của Yêu cầu thanh toán.

Chuyển khoản thanh toán

Vui lòng lưu ý kỹ những điều sau khi thực hiện chuyển khoản:

- Vui lòng dùng Yêu cầu thanh toán được cung cấp từ Trường khi thực hiện thanh toán.
- Xin lập lệnh chuyển khoản một cách chính xác với thông tin ngân hàng được chỉ định (tên ngân hàng, tên chi nhánh, số tài khoản, tên tài khoản, v.v...) thể hiện trong Yêu cầu thanh toán được cung cấp bởi Trường. Nếu thông tin không chính xác việc thanh toán sẽ không được thực hiện, vì vậy xin hãy cẩn thận.
- Xin điền mã số sinh viên và tên sinh viên thể hiện trên Yêu cầu thanh toán vào mục Mục đích của việc chuyển khoản, phần Lời nhắn của người chuyển khoản. (Ví dụ: 2019-12345 SMITH JOHN)
- Các thông tin trên rất quan trọng để xác định người chuyển khoản. Nếu người chuyển khoản không phải là ứng viên (hoặc đại lý, thành viên gia đình, v.v...) chúng tôi sẽ không thể xác định và Đơn đăng ký sẽ được xem như chưa thanh toán. Điều này có thể gây ra chậm trễ trong các thủ tục tuyển sinh, v.v...
- Vui lòng gửi mail bản sao giấy nộp tiền được phát hành sau khi hoàn tất việc chuyển tiền cho người phụ trách hoặc trong "Campusmate-J". Bản sao này sẽ là một "bằng chứng việc nộp tiền", vì vậy xin bảo quản cẩn thận để không bị mất. ※ Chỉ những sinh viên dài hạn mới có thể gửi bản sao chuyển tiền từ "Campusmate-J".
- Xin liên hệ với tổ chức tài chính của bạn về các thủ tục chuyển khoản ngân hàng. Trường sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kì tổn thất hoặc rắc rối nào do lỗi chuyển khoản sai, v.v... vì vậy hãy thật cẩn thận.
- Nếu bạn muốn dùng Flywire để chuyển khoản, vui lòng truy cập trang web Flywire và liên hệ với Trung tâm hỗ trợ của họ nếu có bất kỳ thắc mắc:

Trang chủ Flywire: <https://www.flywire.com>

Trung tâm hỗ trợ của Flywire: <https://www.flywire.com/support>

Chính sách Hủy và Hoàn trả

1. Học phí khóa dài hạn

Trong trường hợp hủy bỏ, ISI sẽ hoàn trả các khoản học phí trừ đi số tiền được nêu dưới đây. Nếu số tiền đã thanh toán không đủ, Trường sẽ tính phí chênh lệch. Nếu thời hạn lưu trú bị rút ngắn do đến muộn, phần chênh lệch sẽ không được hoàn trả.

1.1. Khóa dài hạn (trước khi nhập học)

Phí xét hồ sơ và Phí nhập học sẽ không được hoàn trả với bất kỳ lý do hủy bỏ nào. Trường hợp miễn giảm phí nhập học, số tiền tương đương với phí nhập học sẽ không được hoàn lại. Cho đến trước thời hạn nộp đơn (ngày dự thi kiểm tra trình độ) Trường hợp thay đổi kỳ nhập học, nếu trong vòng 1 năm sẽ được bảo lưu (trừ phí xét hồ sơ & phí dịch thuật). Xin lưu ý rằng sau thời hạn nộp đơn, bạn sẽ phải trả phí hủy theo quy định sau.

	Sau khi kết quả COE được cấp				
Ngày Hủy bỏ	Trước khi cấp Visa Sinh viên	Sau khi cấp Visa Sinh viên, trước ngày nhập học	Sau khi cấp Visa Sinh viên/đã đến Nhật nhưng trước ngày nhập học	Bị từ chối cấp Visa Sinh viên	Sau ngày nhập học
Phí xét hồ sơ	Không hoàn trả	Không hoàn trả	Không hoàn trả	Không hoàn trả	Không hoàn trả
Phí nhập học	Không hoàn trả	Không hoàn trả	Không hoàn trả	Không hoàn trả	Không hoàn trả
Chi phí khóa học (học phí, giáo trình, cơ sở vật chất)	Hoàn 100%	Hoàn 100%	Hoàn 70%	Hoàn 100%	Tham khảo ở dưới
Phí Hủy bỏ	6,000 JPY	6,000 JPY	6,000 JPY	6,000 JPY	
Điều kiện	Trả lại COE và Thư mời	Trả lại Visa Sinh viên và xác nhận chưa dùng	Xác nhận về nước Xác nhận thẻ Cư trú mất hiệu lực	Xác nhận bị từ chối Visa	

1.2. Khóa dài hạn (sau khi nhập học)

Một năm học có 4 học kỳ. Trường hợp hủy giữa chừng, các phí (học phí, phí sách vở và cơ sở vật chất) sẽ được hoàn trả theo cách tính đơn vị 2 học kỳ (nửa năm). Không hoàn trả học phí theo đơn vị 1 học kỳ. Học sinh kỳ tháng 7 đã đóng 1 năm học phí và tốt nghiệp trong năm đầu, thì học phí sẽ được hoàn trả vào tháng 4-6 năm sau. Ngoài ra, tùy theo thời gian hủy (như bảng dưới), sẽ mất phí hủy 6,000 JPY. Trường hợp hủy do học lên cao tại các trường tại Nhật, để hoàn thành thủ tục hủy, nhà trường sẽ yêu cầu trình "Giấy báo nhập học" và "Thẻ học sinh" sau khi nhập học. Trường hợp hủy do về nước, nhà trường sẽ yêu cầu xác nhận thời gian xuất cảnh và hủy bỏ hiệu lực tư cách lưu trú.

Đối tượng	Ngày làm thủ tục hủy	Thời kỳ được xét hoàn trả	Số tiền được hoàn trả
Học viên tháng 4 (Năm 1)	Trước ngày 31/8	Phần tháng 10 ~ tháng 3	100% học phí trong thời gian được xét hoàn trả
	1/9~30/9		80% học phí trong thời gian được xét hoàn trả
	Sau ngày 1/10	Ngoài đối tượng	Không hoàn trả
Học viên tháng 4 & 10 (Năm 2)	Trước ngày 31/1	Đối tượng trả 1 năm: Phần tháng 4 ~ tháng 3 năm sau	100% học phí trong thời gian được xét hoàn trả
	1/2~31/3	Đối tượng trả nửa năm: Phần tháng 4 ~ tháng 9	80% học phí trong thời gian được xét hoàn trả
	1/4~31/8	Phần tháng 10 ~ tháng 3	100% học phí trong thời gian được xét hoàn trả
	1/9~30/9		80% học phí trong thời gian được xét hoàn trả
	Sau ngày 1/10	Ngoài đối tượng	Không hoàn trả
Học sinh kỳ tháng 7 (Năm 1)	Trước ngày 30/11	Phần tháng 1 ~ tháng 6 ※ Nếu nghỉ từ học kỳ 4: Phần tháng 4~tháng 6	100% học phí trong thời gian được xét hoàn trả
	1/12~31/12		80% học phí trong thời gian được xét hoàn trả
	Sau ngày 1/1	Ngoài đối tượng	Không hoàn trả
Học viên tháng 7 & tháng 1 (Năm 2) ※ Trừ năm 1 của học viên tháng 1	Trước 31/5	Đối tượng trả 1 năm: Phần tháng 7 ~ tháng 3 năm sau	100% học phí trong thời gian được xét hoàn trả
	1/6~30/6	Đối tượng trả nửa năm: Phần tháng 4 ~ tháng 9	80% học phí trong thời gian được xét hoàn trả
	1/7~30/11	Phần tháng 1 ~ tháng 3	100% học phí trong thời gian được xét hoàn trả
	1/12~31/12		80% học phí trong thời gian được xét hoàn trả
	Sau 1/1	Ngoài đối tượng	Không hoàn trả

※ Năm 1 được tính từ ngày nhập học đến ngày 31/3 cùng một năm học, năm 2 được tính từ ngày 1/4 năm tiếp theo đến 31/3 năm sau.

2. Khóa ngắn hạn

Hoàn trả phần học phí sau khi trừ phí hủy. Nếu phần tiền đã nộp chưa đủ phí hủy, thì sẽ yêu cầu phần tiền chênh lệch.

Trường hợp chưa nộp học phí theo đúng kỳ hạn sau khi đăng ký khóa học, nếu hủy trong thời gian như dưới đây thì sẽ có yêu cầu nộp phí hủy.

Nguyên tắc, nếu đỗ Visa trễ, học viên nhập học muộn thì nhà trường không hoàn trả phần thời gian bị muộn hay bị ngắn lại. Ngoài ra, sau khi nhập học thì phí nhập học sẽ không hoàn trả với bất cứ lý do gì.

Nếu đăng ký trên 1 học kỳ, có thể được trả học phí chia theo từng kỳ. Hãy liên lạc với người phụ trách để biết thêm chi tiết.

	Trước ngày nhập học				Sau ngày nhập học	Những người cần xin Visa*	
						Bị từ chối cấp Visa Ngắn hạn	Trước khi cấp Visa Ngắn hạn
Ngày hủy bỏ	Trên 2 tháng	Trên 2 tuần ~dưới 2 tháng	Trên 1 tuần ~dưới 2 tuần	Dưới 1 tuần	Sau khi nhập học	Trước, sau khi nhập học	Sau khi nhập học
Phí nhập học	Không hoàn trả	Không hoàn trả	Không hoàn trả	Không hoàn trả	Không hoàn trả	Không hoàn trả	Không hoàn trả
Chi phí khóa học (học phí, giáo trình, cơ sở vật chất)	Hoàn 100%	Hoàn 70%	Hoàn 50%	Hoàn 20%	Không hoàn trả	Hoàn 100%	Hoàn 50%
Phí Hủy bỏ	6,000 JPY	6,000 JPY	6,000JPY	6,000 JPY	-	6,000 JPY	6,000 JPY
Điều kiện	Trường hợp xin visa Ngắn hạn thông qua Thư mời từ Trường, nhà trường sẽ yêu cầu trả lại Visa hoặc xác nhận chưa sử dụng Visa					Xác nhận bị từ chối Visa	

*Nếu Visa ngắn hạn của bạn không được cấp 1 tuần trước ngày dự kiến nhập cảnh, vui lòng thông báo với Trường ngay lập tức, nếu không liên lạc Chính sách hoàn trả sẽ không được áp dụng.

Chính sách Hủy và Hoàn trả

3. Nhà ở

Cả những bạn chưa hoàn thành việc thanh toán , nếu bạn hủy bỏ trong khoảng thời gian dưới đây , bạn sẽ phải thanh toán riêng phí ký túc xá và phí hủy .Nếu bạn hủy bỏ sau khi nhận phòng, chúng tôi sẽ không hoàn trả. Các chính sách hoàn trả được áp dụng như nhau kể cả khi bạn gia hạn thời gian lưu trú.

	Hủy bỏ				Thay đổi thời gian lưu trú sau khi đã xác nhận đặt chỗ ở		Bị từ chối cấp Visa
Ngày Hủy bỏ	Trên 4 tuần kể từ sau kỳ hạn đăng ký	Trên 2 tuần ~dưới 4 tuần	Trên 1 tuần ~dưới 2 tuần	Dưới 1 tuần	Trên 4 tuần trước ngày nhận phòng	Dưới 4 tuần	—
Phí Đăng ký	Không hoàn trả	Không hoàn trả	Không hoàn trả	Không hoàn trả	-	-	Không hoàn trả
Tiền thuê/Cơ sở vật chất/Vệ sinh	Hoàn 100%	Hoàn trả sau khi trừ 70% tiền thuê tháng (4 tuần) đầu tiên	Hoàn trả sau khi trừ một tháng (4 tuần) tiền thuê	Không hoàn trả	Hoàn trả tiền chênh lệch	Không hoàn trả đủ có chênh lệch	Hoàn 100%*
Phí Hủy bỏ	6,000 JPY	6,000 JPY	6,000 JPY	-	6,000 JPY	-	6,000 JPY
Điều kiện	-	-	Không hoàn trả nếu ở 1 tháng	-	Sẽ tính thêm phí nếu gia hạn thời gian lưu trú		Xác nhận bị từ chối cấp Visa

* Việc hoàn trả do ứng viên bị từ chối cấp Visa chỉ được tiến hành nếu ứng viên liên lạc với Trường trước cuối tháng của ngày vào Ký túc xá. Nếu không thông báo đúng thời gian việc hoàn trả sẽ không được xử lý.

4. Dịch vụ đón tại sân bay

Sau khi gửi Giấy yêu cầu thanh toán từ Trường , ngay cả khi việc thanh toán không được hoàn thành trước thời hạn đăng ký , nếu bạn hủy bỏ trong khoảng thời gian dưới đây , bạn sẽ phải thanh toán riêng phí hủy .

	Hủy bỏ		Thay đổi ngày giờ đón	Bị từ chối cấp Visa
Ngày hủy bỏ	Trên 2 tuần trước ngày đón	Dưới 2 tuần	Trên 1 tuần trước ngày đón	—
Phí đón	Hoàn 100%	Không hoàn trả	Không hoàn trả	Hoàn 100%
Phí Hủy bỏ	※ 3,000 JPY	-	-	3,000 JPY
Điều kiện	Nếu bạn hủy bỏ dịch vụ đón, ngày sẽ tính từ ngày khởi hành. ※ Phí Hủy bỏ cho cả Nhà ở và Đón tại sân bay là 6,000JPY		Phải đặt lịch mới và có tính thêm phí riêng	Giấy tờ xác nhận bị từ chối cấp Visa

•Không bồi thường cho thay đổi hoặc hủy bỏ trong ngày vì lý do cá nhân (ví dụ: lỡ chuyến bay, v.v...). Xin đặt lịch mới.

•Mặc dù việc hủy bỏ hay thay đổi có thể phải thực hiện do các sự cố bất khả kháng như đình công, lý do từ hãng hàng không. Bạn vẫn phải đặt lịch đón mới mà không có bất kỳ bồi thường nào một khi xe đón đã khởi hành. Chúng tôi đề nghị bạn nên mua Bảo hiểm dành cho du học sinh nước ngoài .

※ Trường hợp hủy cả dịch vụ nhà ở và đưa đón, chỉ tính phí Hủy nhà ở sẽ tính là (6,000 JPY) , phí hủy đưa đón sẽ tính riêng .

5. Ghi chú về trách nhiệm

Các chi phí (học phí, sách giáo khoa, cơ sở vật chất) sẽ không được hoàn trả do nghỉ học, vắng lớp bởi các lý do sau đây:

(1) Thiên tai, động đất, chiến tranh, bạo động, khủng bố, biểu tình, bệnh truyền nhiễm., thảm họa bất ngờ trên đất liền, biển và trên không. Pháp lệnh giữa Chính phủ Nhật và Chính phủ nước ngoài. Đình chỉ cung cấp dịch vụ du lịch của các cơ quan du lịch, khách sạn, giao thông. Cung cấp những dịch vụ vận chuyển không thuộc kế hoạch hoạt động ban đầu. Những bố trí cần thiết nhằm bảo vệ tính mạng và sự an toàn của học sinh. Trường hợp bắt buộc phải thay đổi lịch học hoặc không thể mở lớp bởi những lý do khách quan không thuộc sự quản lý của nhà trường.

(2) Trường hợp học sinh không thể tái nhập cảnh khi tự mình về nước.

(3) Trường hợp vắng mặt để đảm bảo sức khỏe, tính an toàn hoặc quản lý độ nguy hiểm của cá nhân học sinh.

6. Các chính sách khác

(1) Yêu cầu hủy sẽ chỉ được chấp nhận ở dạng văn bản. Ngày chúng tôi nhận được xác nhận hủy sẽ được xem là ngày hủy. (Múi giờ Nhật Bản).

(2) Phí ngân hàng từ việc hoàn trả sẽ do ứng viên chịu.

(3) Nếu bạn hủy đồng thời khóa học và nhà ở, phí hủy bỏ sẽ được tính từng loại .

(4) Trong trường hợp phải hoàn trả vì lỗi từ phía ứng viên (ví dụ: chuyển nhiều hơn mức yêu cầu), Trường sẽ hoàn trả sau khi trừ đi 3,000JPY phí xử lý. Nếu số tiền dư dưới 3,000 JPY thì sẽ không hoàn trả.

(5) Hoàn trả sẽ được thực hiện trong vòng 40 ngày sau khi hoàn tất các thủ tục trong quy trình hủy bỏ.

(6) Ngày nhập học là ngày nhập học của các học kỳ do trường quy định hoặc ngày đi học đầu tiên đối với những ai nhập học vào giữa kỳ.

(7) Văn phòng không làm việc trong dịp Năm mới. Những trường hợp thay đổi hoặc hủy bỏ cho kỳ tháng 1 vui lòng thực hiện trước ngày 20/12.

※ Sổ tay hướng dẫn được dịch ra nhiều ngôn ngữ khác nhau từ bản gốc tiếng Nhật. Trường hợp nội dung của bản gốc tiếng Nhật và bản dịch có sự khác biệt thì ưu tiên bản tiếng Nhật.

Visa Sinh viên: Hồ sơ cần thiết để xin cấp giấy chứng nhận Tư cách lưu trú

LƯU Ý QUAN TRỌNG

- Ngoài giấy chứng nhận, các loại giấy tờ vì được cấp không quá 3 tháng kể từ ngày xin ở Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh trong và ngoài nước, nên chỉ có bản gốc là có hiệu lực
 - ※ Giấy chứng nhận, như bằng tốt nghiệp chỉ phát hành 1 lần
 - ※ Các loại chứng nhận có thể được cấp nhiều lần (ví dụ: Chứng nhận số dư tài khoản ngân hàng, Giấy công chứng, Chứng nhận tốt nghiệp, v.v...).
 - ※ Các loại chứng nhận, vui lòng ghi tên, địa chỉ phát hành của tổ chức phát hành, và thông tin liên hệ (điện thoại, số fax) ký tên hoặc đóng dấu của tổ chức phát hành.
- Đối với những giấy tờ không viết bằng tiếng Nhật, vui lòng gửi bản dịch tiếng Nhật. (Bao gồm các từ ngữ ghi trên Giấy chứng nhận tiền gửi ngân hàng)

(Hãy gửi cả bản gốc và đính kèm bản dịch tiếng Nhật. Không chấp nhận trường hợp chỉ gửi bản dịch. Nhà trường cung cấp dịch vụ biên dịch với chi phí 10.000 yên, thanh toán riêng biệt.).
- Toàn bộ giấy tờ nộp cho Cục Quản lý Lưu trú xuất nhập cảnh Nhật Bản sẽ không được trả lại, nên hãy lưu ý. Vui lòng thông báo trước với Trường khi nộp đơn nếu có giấy tờ cần được trả lại.
- Chữ ký phải là của chính ứng viên và được ký tay bằng bút bi. Trong tất cả giấy tờ việc dùng bút xóa đều không được chấp nhận
- Nếu trong quá khứ ứng viên đã từng nộp đơn xin Tư cách lưu trú, như du học, làm việc hay tu nghiệp sinh cần thiết phải bổ sung thông tin. Vui lòng thông báo cho chúng tôi khi đăng ký nhập học.
- Vui lòng gửi các giấy tờ được liệt kê sau đây trước hạn chót đăng ký của từng trường.

Những giấy tờ được gạch đỏ bắt buộc phải nộp. Các yêu cầu và giấy tờ phải nộp khác nhau tùy thuộc vào quốc tịch, lịch sử xin visa, v.v... của từng cá nhân. Vui lòng liên hệ với chúng tôi để biết thêm thông tin. Khi gửi các loại giấy tờ gốc, xin dùng các hãng chuyển phát nhanh quốc tế như FEDEX/DHL/OCS/EMS và cho chúng tôi biết mã số theo dõi. Hồ sơ đăng ký dựa trên chính sách của Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh ngày 31 tháng 5 năm 2021. Nội dung có thể thay đổi do thay đổi chính sách. Trong trường hợp đó, Trường sẽ liên hệ với bạn.

Check	Giấy tờ của ứng viên	Chi tiết
☐	<u>Đơn đăng ký học</u> (Mẫu do Trường cung cấp)	- Ứng viên phải điền đầy đủ những thông tin cần thiết được yêu cầu trong đơn. - Không để trống bất kì mục nào, đặc biệt là thông tin nghề nghiệp và nơi làm việc của người bảo lãnh. - Tên trong đơn đăng ký phải giống như tên thể hiện trên Hộ chiếu của ứng viên.
☐	<u>Sơ yếu lý lịch • Lý do du học / Học lên sau khi tốt nghiệp</u> (Mẫu do Trường cung cấp)	- Ứng viên phải tự viết. Phải ký chữ ký viết tay của ứng viên. (Có thể đóng dấu) - Từ khi học tiểu học cho đến khi tốt nghiệp trường cuối cùng, vui lòng liệt kê tất cả quá trình học tập. - Quá trình học tập • Cơ sở học tiếng Nhật, vui lòng nhập cả số (〇〇号). - Nếu có thời gian trống không học tập hoặc làm việc trên 6 tháng, vui lòng <u>nộp kèm</u> đơn giải thích lý do. ※ Nếu có lịch sử học tập hoặc làm việc không chính quy, vui lòng nộp kèm các chứng nhận cần thiết để chứng minh.
☐	<u>Tình trạng sức khỏe</u> (Mẫu do Trường cung cấp)	Ứng viên vui lòng điền các thông tin liên quan đến tình trạng sức khỏe hiện nay của bản thân.
☐	<u>2 ảnh thẻ</u> (kích thước 4x3 cm) ※ Có thể gửi giữ liệu ảnh thẻ	- Ảnh mới chụp (trong vòng 3 tháng), viết họ tên của ứng viên lên mặt sau ảnh. - Ảnh rõ ràng, không đội mũ, không bị bóng, mặt chính diện. ※ Không được nộp bản sao chép màu
☐	<u>Bản sao Hộ chiếu</u> ※ Các giấy tờ khác nếu chưa có Hộ chiếu	- Nếu ứng viên không có Hộ chiếu, vui lòng nộp bản sao các giấy tờ chứng minh nhân thân khác được cấp bởi cơ quan chức năng có thẩm quyền, ví dụ như Chứng minh nhân dân. - Nộp bản sao tất cả các trang có đóng dấu/dán tem nếu đã từng nhập cảnh Nhật Bản. - Nếu bạn có thể cư trú, vui lòng nộp bản sao thẻ cư trú.
☐	<u>Giấy chứng nhận Tốt nghiệp cấp cuối cùng hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp (Bản gốc)</u>	- Nếu tại thời điểm nộp đơn, bạn vẫn đang học thì không cần phải nộp. - Vui lòng nộp bản gốc (giấy chứng nhận tốt nghiệp) Bảng tốt nghiệp cuối cùng của bạn. - Bản gốc bằng tốt nghiệp sẽ được trả lại sau khi Cục quản lý lưu trú xuất nhập cảnh thẩm tra) - Nếu ứng viên đang là Sinh viên (hay đang tạm nghỉ hoặc đã thôi học) trường Đại học hoặc Cao đẳng, vui lòng nộp giấy chứng nhận sinh viên và Bảng tốt nghiệp Trung học phổ thông.
☐	Bản sao Bảng điểm/Học bạ	Công dân một số nước có thể sẽ phải nộp bản gốc.
☐	Giấy chứng nhận đang học hoặc giấy chứng nhận dự định tốt nghiệp [bản gốc] (Chỉ dành cho những ai đang học tại thời điểm nộp đơn)	Chứng nhận phải thể hiện rõ ràng ngày nhập học, chuyên ngành và ngày tốt nghiệp dự kiến.
☐	Bản sao chứng chỉ tiếng Nhật (Chỉ những người áp dụng)	- Những người đã đỗ kỳ thi Năng lực Nhật ngữ dưới đây, vui lòng nộp bản sao của chứng chỉ. - JLPT, Kỳ thi năng lực tiếng Nhật thương mại BJT, J.TEST, NAT-TEST, Kỳ thi năng lực tiếng Nhật thương mại tiêu chuẩn, Kỳ thi năng lực tiếng Nhật thực tế TOPJ, J-cert, Kỳ thi năng lực tiếng Nhật chuyên nghiệp, Kỳ thi năng lực tiếng Nhật của người nước ngoài JLCT, Kỳ thi giao tiếp tiếng Nhật thực tế, Kỳ thi năng lực tiếng Nhật JPT) - Trường hợp chưa biết kết quả trước ngày nộp đơn, vui lòng nộp bản sao phiếu dự thi, chứng nhận thành tích trước thời hạn chỉ định. - Tài liệu in từ màn hình kết quả thi trên trang chủ của Tổ chức thi không được chấp nhận.
☐	Chứng nhận học tiếng Nhật (Chỉ những người áp dụng)	- Những người đã học trường Tiếng Nhật, vui lòng nộp giấy chứng nhận tỷ lệ có mặt và thành tích học tập. - Giấy chứng nhận học tiếng Nhật, vui lòng nộp chứng nhận có thời gian học từ 150 giờ trở lên. - Giấy chứng nhận, ngoài địa chỉ liên lạc, địa chỉ nơi học, vui lòng nộp bản ghi rõ ①Thời gian học ② Thời gian học hàng tuần ③Thời gian học một ngày ④Ngày nghỉ bao gồm cả ngày lễ ⑤Tổng số giờ học • Số giờ đã học ⑥Tỷ lệ có mặt ⑦Nội dung học ⑧Tên khóa học ⑨Trình độ đạt được khi kết thúc khóa học ⑩Sách giáo khoa
☐	Tài liệu xác nhận cấu trúc gia đình của ứng viên (Chỉ ứng viên trường Kyoto)	Vui lòng gửi các tài liệu xác nhận cấu trúc gia đình, như sổ hộ khẩu ...
Check	Giấy tờ của người bảo lãnh	Chi tiết
☐	<u>Đơn bảo lãnh</u> (mẫu do Trường cung cấp)	- Vui lòng nộp bản do chính người bảo lãnh viết và ký tên. - Nếu người bảo lãnh không phải là chính họ hoặc cha mẹ ruột, vui lòng giải thích lý do là người bảo lãnh thay cho phụ huynh của ứng viên và vì sao cha mẹ của ứng viên không thể bảo lãnh.
☐	<u>Tài liệu chứng minh quan hệ giữa người bảo lãnh và ứng viên</u>	- Bản gốc giấy chứng nhận được cấp bởi các tổ chức công như chứng nhận mối quan hệ cha mẹ - con cái và mối quan hệ họ hàng (ví dụ: giấy khai sinh hoặc giấy chứng nhận họ hàng) - Trường hợp hộ khẩu, vui lòng nộp bản sao của trang có ghi địa chỉ của hộ gia đình và tình trạng, nghề nghiệp của tất cả các thành viên hộ gia đình. (Giới hạn ở bản sao chính)
☐	<u>Chứng nhận số dư tài khoản ngân hàng (Bản gốc)</u>	- Chứng nhận phải là tên của người bảo lãnh và được cấp mới trong vòng 3 tháng trước khi nộp. - Số tiền trong tài khoản phải đủ để hỗ trợ cho việc du học của ứng viên ở Nhật Bản.
☐	<u>Chứng nhận công việc (Bản gốc)</u>	Trong trường hợp tự kinh doanh, vui lòng gửi giấy Đăng kí kinh doanh, bản sao có tư cách pháp nhân.

Về Đăng ký nhập học

Đối tượng cần Visa Sinh viên (Khóa dài hạn)

Part2

Visa Sinh viên : Hồ sơ cần thiết để xin cấp giấy chứng nhận Tư cách lưu trú

Check	Giấy tờ của người bảo lãnh	Chi tiết
☐	<u>Tài liệu Giải trình về quá trình hình thành tài sản trong 1 năm</u>	- Vui lòng nộp bản sao sổ ngân hàng hoặc bảng sao kê tiền gửi / rút tiền của bạn như một tài liệu để chứng minh quá trình hình thành nguồn tiền được ghi trong giấy chứng chỉ số dư tiền gửi. - Hãy kiểm tra Bản sao chính của sổ tiết kiệm tiền gửi, chi tiết giao dịch (ngày giao dịch, số tiền và số dư giao dịch), tên người gửi và tiết kiệm, tên tổ chức tài chính, số tài khoản tiền gửi và tiết kiệm, v.v. có được ghi đầy đủ hay không. - Vui lòng gửi bản gốc giấy sao kê chi tiết tiền gửi tiền rút và nếu có các mục phải bổ sung, lịch sử lưu ý đặc biệt, vui lòng giải thích trong giấy giải trình (Dạng tùy ý). - Nếu là giấy chi tiết sao kê tiền gửi / rút tiền dưới một năm, cũng có thể không được coi là một tài liệu kiểm tra.
☐	<u>Giấy chứng nhận thu nhập (thu nhập) trong 1 năm qua [bản gốc]</u> <u>Hoặc giấy chứng nhận nộp thuế (đóng thuế) một năm [bản gốc]</u>	- Vui lòng gửi tờ khai về thuế thu nhập cá nhân do tổ chức có thẩm quyền cấp. Nếu không thể phát hành, vui lòng gửi tài liệu giải thích từ tổ chức công lập. (Vui lòng giải thích lý do tại sao cơ quan có thẩm quyền về thuế thu nhập cá nhân không thể ban hành nó.) - Nếu giấy chứng nhận do tổ chức có thẩm quyền về thuế thu nhập cá nhân cấp có ghi thu nhập và thuế thu nhập cá nhân thì bạn không cần phải nộp giấy chứng nhận nộp thuế.

Ngoài ra

Check	Trường hợp người bảo lãnh đang sống ở Nhật	Chi tiết
☐	Tài liệu chứng minh mối quan hệ giữa người bảo lãnh và ứng viên	- Vui lòng nộp bản sao thẻ cư dân (đối với tất cả các thành viên hộ gia đình. - Trường hợp đang chuẩn bị thẻ cư dân, cần bản chính chụp thẻ cư dân (do tòa thị chính cấp, v.v.)
☐	Giấy chứng nhận số dư tiền gửi	- Chứng nhận phải là tên của người bảo lãnh và được cấp mới trong vòng 3 tháng trước khi nộp. - Số tiền trong tài khoản phải đủ để hỗ trợ cho việc du học của ứng viên ở Nhật Bản..
☐	Giấy chứng nhận nghề nghiệp	Nếu bạn là nhân viên văn phòng, vui lòng nộp bản gốc giấy chứng nhận được cấp bởi nơi làm việc hoặc cơ quan công lập cấp.
☐	Giấy chứng nhận thuế (giấy chứng nhận miễn thuế)	Vui lòng làm thủ tục tại văn phòng thành phố (phường) là địa chỉ tại thời điểm ngày 1 tháng 1 của năm nộp đơn.
☐	Thẻ cư trú [Bản sao]	

Check	Các giấy tờ khác	Chi tiết
☐	Các loại giấy giải trình (Dạng tùy ý)	- Vui lòng gửi Tài liệu chứng nhận và lý do bị loại bỏ không được cấp / không được phép. - Vui lòng giải thích lý do tại sao rút đơn trước đây và tình trạng giải quyết lý do trong lần này.
☐	Giấy chứng nhận việc làm của ứng viên (tài liệu xác nhận nghề nghiệp của ứng viên)	Những bạn đã hoàn thành "Khóa thực tập sinh" và đã làm việc tại nước của bạn sau khi trở về từ Nhật Bản, vui lòng nộp hồ sơ.